

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2016



BAO LONG
INSURANCE



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG

MỤC LỤC

THÔNGIỆPCỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1
CÁC SỰ KIỆN TIÊU BIỂU VÀ DANH HIỆU ĐẠT ĐƯỢC NĂM 2016	2
CÁC CHỈ SỐ HOẠT ĐỘNG CƠ BẢN NĂM 2016	3
PHẦN I – THÔNG TIN CHUNG	4
Thông tin khái quát.....	4
Quá trình hình thành và phát triển	4
Ngành nghề kinh doanh.....	5
Mạng lưới kinh doanh	6
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	7
Định hướng phát triển giai đoạn 2016– 2018.....	16
Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng	16
Các rủi ro	17
PHẦN II – QUAN HỆ CỔ ĐÔNG	17
Thông tin cổ phiếu.....	18
Cơ cấu cổ đông	18
Thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu	18
Các đợt phát hành chứng khoán trong năm 2016.....	18
PHẦN III - HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2016 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2017	18
Tổng quan thị trường Bảo hiểm Phi nhân thọ năm 2016 và dự báo năm 2017	18
Kết quả kinh doanh của Bảo Long năm 2016	20
Những cải tiến về tổ chức, chính sách, quản lý trong năm 2016.....	23
Kế hoạch kinh doanh năm 2017.....	25
PHẦN IV –ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY	25
Đánh giá hoạt động của Bảo Long.....	25
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc.....	26
Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị năm 2017	27
PHẦN V – BÁO CÁO HƯỚNG TỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	28
Quản trị doanh nghiệp hướng tới phát triển bền vững	28
Xây dựng mối quan hệ bền vững với các bên liên quan	29
Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường.....	32
PHẦN VI – BÁO CÁO TÀI CHÍNH	33

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý Cổ đông, Quý Khách hàng và Đối tác,

Với diện mạo mới ngày càng chuyên nghiệp, Bảo Long từng bước chuyển mình và hướng đến mục tiêu trở một trong những Doanh nghiệp Bảo hiểm hoạt động hiệu quả cao trên thị trường Bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam.

Với định hướng “Tăng trưởng nhanh, bền vững trên cơ sở kiểm soát tốt rủi ro và hiệu quả” và triển khai tập trung các nhóm Giải pháp kinh doanh với các chỉ tiêu cụ thể, Bảo Long tiếp tục củng cố để hoàn thiện bộ máy tổ chức hoạt động tại Trụ sở chính và các đơn vị thành viên, đẩy mạnh việc mở rộng mạng lưới bán lẻ truyền thống, gia tăng số lượng công ty thành viên trực thuộc lên 42 đơn vị. Năng lực Tài chính của Bảo Long 2016 đã được nâng lên mức mới theo chủ trương tăng vốn của Đại hội Cổ đông, đạt Tổng vốn điều lệ 600 tỷ đồng vào cuối năm 2016. Bên cạnh đó, Bảo Long cũng tiếp tục tăng cường công tác quản trị tài chính, quản trị rủi ro, kiểm soát công nợ nhằm đảm bảo hiệu quả tối ưu trong hoạt động kinh doanh.

Từ những quyết sách chiến lược và các nhóm giải pháp kinh doanh của mình, Bảo Long đã đạt những kết quả tăng trưởng ấn tượng, tốt nhất từ trước đến nay. Doanh thu từ phí bảo hiểm toàn hệ thống năm 2016 đạt 803,7 tỷ đồng, tăng 33% so với năm 2015, hoàn thành 100% kế hoạch năm. Lợi nhuận trước thuế của Bảo Long đạt 15.260 triệu đồng, hoàn thành 173% kế hoạch.

Bảo Long bước vào năm 2017 với khí thế thi đua mới của toàn hệ thống, quyết tâm đạt mức doanh thu phí bảo hiểm đạt 1.008 tỷ đồng. Để đạt được kết quả này, Hội đồng Quản trị Bảo Long cam kết chỉ đạo Ban Điều hành tiếp tục triển khai thực hiện các nhóm giải pháp kinh doanh, tập trung phát triển một số đơn vị mũi nhọn, đầu tư chuyên triển khai các dự án lớn và dự án chuyên sâu, làm nền tảng cho việc nhân rộng trong toàn hệ thống. Bảo Long sẽ mạnh mẽ khẳng định vị thế mới của Minh, duy trì và tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững trong những năm tiếp theo.

Thay mặt Hội đồng Quản trị Bảo Long, Tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành, sâu sắc và lời chúc sức khỏe đến Quý Cổ đông, Quý Khách hàng và Đối tác đã đồng hành cùng Bảo hiểm Bảo Long trong suốt thời gian qua.

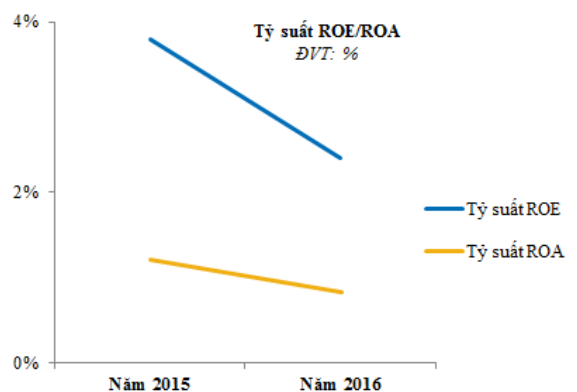
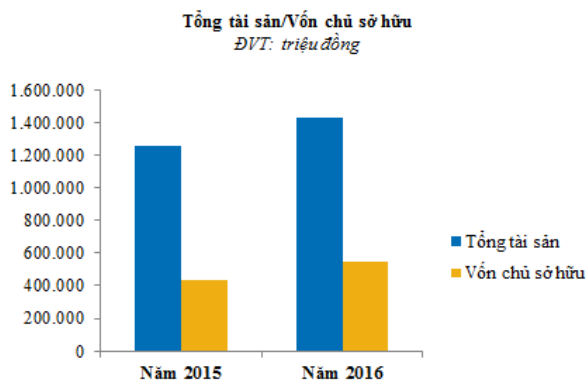
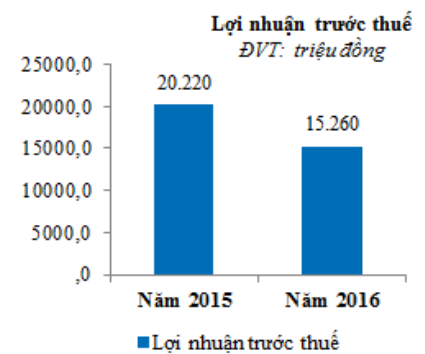
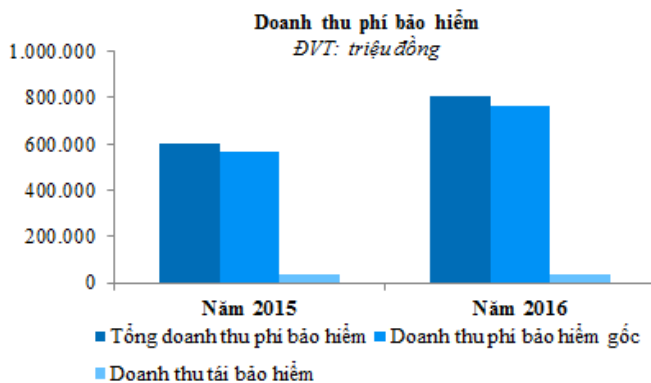
CÁC SỰ KIỆN TIÊU BIỂU VÀ DANH HIỆU ĐẠT ĐƯỢC NĂM 2016

- Mở rộng mạng lưới kinh doanh: thành lập Bảo Long Đông Sài Gòn, Bảo Long Lâm Đồng, Bảo Long Gia Lai, Bảo Long Kiên Giang, Bảo Long Quảng Bình, Bảo Long Bắc Ninh, Bảo Long Đông Phương, Bảo Long Hải Dương, Bảo Long Nam Định, Bảo Long Vĩnh Phúc, Bảo Long Đông Hải cùng với việc chuyển đổi Văn phòng đại diện tại Hà Nội thành Sở giao dịch Miền Bắc đã nâng tổng số Công ty thành viên của toàn hệ thống lên 42 đơn vị.
- Top 10 Công ty Bảo hiểm uy tín nhất Việt Nam 2016 do Vietnam Report đánh giá và công nhận.
- Triển khai hợp tác Bancassurance với ngân hàng Tiên Phong, phát triển hợp tác với Manulife.
- Tổ chức Bảo hiểm có uy tín trong lĩnh vực hàng hải năm 2016 do Bộ Tài chính công bố.
- Ký kết hợp đồng hợp tác Chăm sóc sức khỏe cho khách hàng SCB.
- Hợp tác với Ngân hàng SCB triển khai kênh bán bảo hiểm trên giao diện Ebanking (Internet Banking Insurance).
- Tham gia triển lãm Việt Nam Motor Show năm 2016.

CÁC CHỈ SỐ HOẠT ĐỘNG CƠ BẢN NĂM 2016

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016
Tổng tài sản	1.259.897	1.429.641
Vốn chủ sở hữu	436.517	544.651
Tổng doanh thu phí bảo hiểm	602.479	803.755
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu phí bảo hiểm gốc	567.260	764.642
- Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm	35.218	39.112
Doanh thu tài chính	68.786	89.922
Bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại	207.511	238.955
Tổng lợi nhuận kế toán	20.220	15.260
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,07	1,30
- Hệ số thanh toán nhanh	1,07	1,30
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
- Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	0,65	0,62
- Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	1,57	1,51
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
- Tỷ suất ROE	4%	2%
- Tỷ suất ROA	1%	1%



PHẦN I – THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên Công ty : **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BẢO LONG**
- Tên tiếng anh : Bao Long Insurance Corporation
- Tên giao dịch : Bảo hiểm Bảo Long
- Tên viết tắt : Bảo Long
- Địa chỉ : 185 Điện Biên Phủ, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. HCM
- Số điện thoại : 08 38 239 219
- Số fax : 08 38 228 967
- Website : baohiembraolong.vn
- Giấy phép thành lập và hoạt động số 71GP/KDBH do Bộ Tài chính ngày 15/4/2014 và các Giấy phép điều chỉnh Giấy phép số 71GP/KDBH ngày 15/04/2014.
- Vốn điều lệ : 600.000.000.000 đồng

2. Quá trình hình thành và phát triển

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long được thành lập và chính thức đi vào hoạt động kinh doanh bảo hiểm vào ngày 11/07/1995 với tên gọi là Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhà Rồng. Bảo Long là Công ty cổ phần đầu tiên hoạt động trên lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ tại Việt Nam và đã được Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ tiêu chuẩn và điều kiện hoạt động kinh doanh bảo hiểm số 05TC/GCN.

Ngày 14/5/2012 Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh số 05/GPĐC16/KDBH chấp thuận việc đổi tên Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhà Rồng thành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long (Bảo Long). Với 22 năm hoạt động và phát triển, đến nay Bảo Long đã có mặt rộng khắp các tỉnh thành với 42 công ty thành viên trực thuộc trải đều từ Bắc tới Nam. Ngoài ra, Bảo Long có 758 đại lý bảo hiểm tư vấn và đưa sản phẩm bảo hiểm tới tận tay người có nhu cầu bảo hiểm. Hoạt động của Bảo Long ngày càng được chuẩn hóa. Đầu năm 2010, Bảo Long đã được tổ chức United Registrar of Systems (URS) của Anh quốc cấp giấy chứng nhận quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2008.

Để nâng cao năng lực hoạt động, trong năm 2016 Bảo Long đã thực hiện các thủ tục để tăng vốn điều lệ từ 500.000.000.000 đồng lên 600.000.000.000 đồng.

Theo thời gian, bằng uy tín của mình, Bảo Long đã xây dựng được mối quan hệ tốt với những tập đoàn bảo hiểm, tái bảo hiểm hàng đầu thế giới như: Munich Re – Singapore, CCR – France,

ACR – Singapore, Swiss Re – Malaysia ... với năng lực tài chính, đội ngũ cán bộ nhân viên chuyên nghiệp, giàu kinh nghiệm và mạng lưới chi nhánh trải dài khắp các tỉnh, thành phố, Bảo Long có khả năng đáp ứng được mọi nhu cầu bảo hiểm của khách hàng.

Với phương châm **“Đồng hành, đồng chia sẻ”** Bảo Long không ngừng cải tiến để mang lại dịch vụ tốt nhất cho các khách hàng của mình. Cùng với sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam, Bảo Long đã và luôn sẵn sàng đồng hành cùng các nhà đầu tư Việt Nam mở rộng thị trường bảo hiểm đến với các thị trường trong khu vực như: Lào, Campuchia, Myanmar...

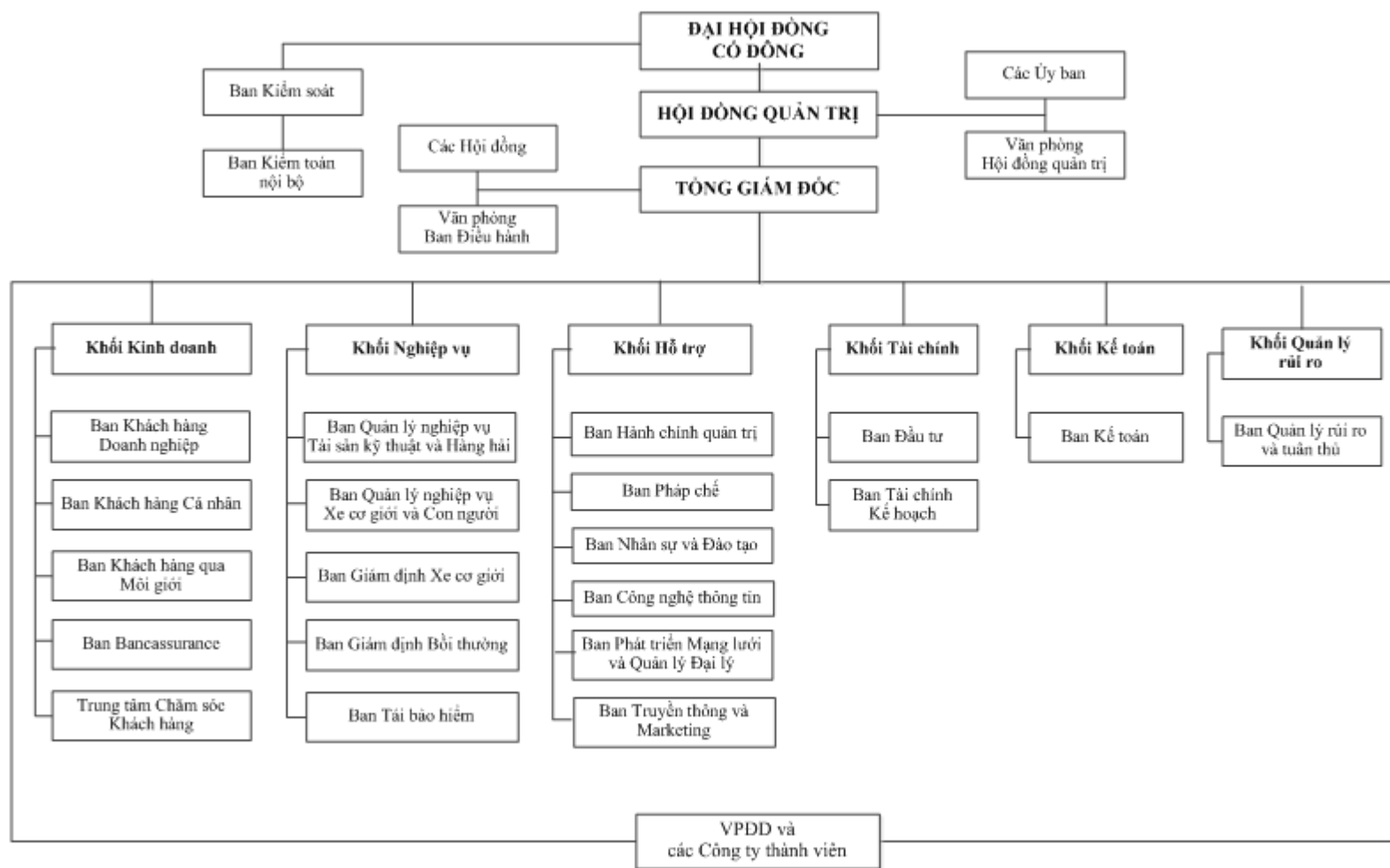
3. Ngành nghề kinh doanh

Bảo Long đã không ngừng xây dựng và cải thiện các sản phẩm bảo hiểm của mình nhằm đáp ứng đầy đủ các nhu cầu đa dạng của mọi đối tượng khách hàng. Cho đến nay, với hơn 100 sản phẩm khác nhau, Bảo Long đã cung cấp tất cả sản phẩm bảo hiểm và tái bảo hiểm cho thị trường trong nước và quốc tế, bao gồm các nhóm sản phẩm bảo hiểm:

- Bảo hiểm tài sản kỹ thuật
- Bảo hiểm hàng hóa, tàu thuyền
- Bảo hiểm sức khỏe, con người
- Bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp
- Bảo hiểm xây dựng, lắp đặt
- Bảo hiểm xe máy, xe ô tô...

5. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

5.1. Cơ cấu bộ máy quản lý



5.2. Thông tin về Hội đồng quản trị



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Nguyễn Thành Long

Ông Nguyễn Thành Long tốt nghiệp ngành Kinh tế thương mại Trường Đại học Vạn Hạnh, tốt nghiệp khóa lý luận chính trị cao cấp tại Trường Nguyễn Ái Quốc 2.

Ông Long có hơn 24 năm kinh nghiệm quản lý và điều hành trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, thương mại dịch vụ. Ông Long nguyên là Tổng Giám đốc Công ty Vàng bạc đá quý Sài Gòn (SJC), Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu VN (Eximbank), Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt (VDSC). Hiện nay, Ông Long tham gia vào HĐQT Bảo Long với tư cách là thành viên HĐQT độc lập và giữ chức danh Chủ tịch HĐQT Bảo Long. Ngoài ra, Ông Long còn đảm nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT tại Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB).



PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT

Ông Võ Tấn Hoàng Văn

Ông Võ Tấn Hoàng Văn tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế, ACCA, CPA Việt Nam.

Ông Văn có hơn 20 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành Tài chính Ngân hàng. Trước đây, Ông Văn làm việc tại Công ty TNHH Ersnt & Young Việt Nam và giữ các trọng trách như: Trưởng phòng, Giám đốc, Phó Tổng giám đốc phụ trách mảng kiểm toán và tư vấn lĩnh vực Tài chính Ngân hàng; Phó Chủ tịch Ủy ban Chiến lược và phát triển Ngân hàng SCB, Phó Tổng Giám đốc và Quyền Tổng Giám đốc Ngân hàng SCB. Hiện nay Ông Văn đang giữ chức vụ Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc của Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB). Ông Văn tham gia vào HĐQT Bảo Long với vai trò Phó Chủ tịch HĐQT.



PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT

Ông Nguyễn Quang Thông

Ông Nguyễn Quang Thông tốt nghiệp cử nhân Kinh tế Trường Đại học Kinh tế Tp. HCM.

Ông Thông từng giữ chức vụ thành viên BKS, Ủy viên HĐQT ngân hàng Eximbank... Hiện nay, Ông Thông đang giữ các chức vụ: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt

Long, Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Bất động sản Eximland, Phó Chủ tịch HĐQT Eximbank. Ông Thông đại diện vốn của Eximbank tham gia vào HĐQT với vai trò Phó Chủ tịch HĐQT Bảo Long.



THÀNH VIÊN HĐQT

Ông Nguyễn Văn Hùng

Ông Nguyễn Văn Hùng tốt nghiệp cử nhân Tài chính – Ngân hàng và tham gia chương trình sau đại học Fullbright Kinh tế học ứng dụng dành cho chính sách công.

Ông Hùng có hơn 20 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành tài chính, ngân hàng. Trước đây, Ông Hùng làm việc tại Ngân hàng Công thương Việt Nam; Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB) và giữ các chức vụ trọng trách như: Phó/Trưởng phòng Giao dịch, Phó Giám đốc Chi nhánh An Đông, Trưởng phòng Huy động và tiền gửi tiết kiệm Hội sở, Trưởng phòng Nguồn vốn và Kinh doanh ngoại hối Hội sở, Kế toán trưởng, Giám đốc Kế toán Hội sở và Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng SCB, Phó Tổng Giám đốc Bảo Long. Hiện nay, Ông Hùng đang giữ chức vụ Kế toán trưởng Ngân hàng SCB và tham gia vào HĐQT Bảo Long với vai trò thành viên HĐQT.



THÀNH VIÊN HĐQT

Ông Trần Văn Hồi

Ông Trần Văn Hồi tốt nghiệp Cao học Quản trị kinh doanh (Post Graduate).

Ông Hồi có nhiều năm kinh nghiệm trong ngành bảo hiểm. Trước đây, Ông Hồi đảm nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty Bảo hiểm Quảng Ninh (Bảo Việt Quảng Ninh), Giám đốc Công ty Bảo hiểm Hà Nội (Bảo Việt Hà Nội), Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc thứ nhất, kiêm Giám đốc Tài chính Công ty Liên doanh Bảo hiểm Quốc tế Việt Nam tại Tp.HCM; Phó Tổng Giám đốc Công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của Doanh nghiệp (DATC) Phó Trưởng ban chỉ đạo, trực tiếp phụ trách thành lập Công ty TNHH MTV Tài chính Than – Khoáng sản VINACOMIN, Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Tài chính Than – Khoáng sản VINACOMIN, Thành viên HĐQT Công ty CP Bảo hiểm Hàng Không, Tổng Giám đốc Bảo Long. Hiện nay, Ông Hồi tham gia vào HĐQT Bảo Long với vai trò thành viên HĐQT.



THÀNH VIÊN HĐQT

Ông Nguyễn Hữu Tuấn

Ông Nguyễn Hữu Tuấn tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Luật.

Ông Tuấn có hơn 15 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành Tài chính, Chứng khoán. Trước đây, Ông Tuấn có nhiều năm công tác tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Tp. HCM; Phó Trưởng phòng Tư vấn, Giám đốc pháp lý và tuân thủ nội bộ Công ty Cổ phần Chứng khoán Tp. HCM; Giám đốc Tư vấn và tài chính doanh nghiệp Công ty CP Chứng khoán Rồng Việt, Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán STSC. Ông Tuấn tham gia vào HĐQT Bảo Long với vai trò thành viên HĐQT.



THÀNH VIÊN HĐQT KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Phan Quốc Dũng

Ông Phan Quốc Dũng tốt nghiệp Kỹ sư Hàng hải và tham gia chương trình sau đại học Fullbright Kinh tế học ứng dụng dành cho chính sách công.

Ông Dũng có hơn 20 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành bảo hiểm trong và ngoài nước. Trước đây, ông từng đảm nhiệm các vị trí Trưởng Phòng Bảo hiểm Hàng hóa, Trưởng phòng Quản lý Nghiệp vụ, Trưởng phòng bảo hiểm Tài sản kỹ thuật, Phó Giám đốc Sở giao dịch, Giám đốc Bảo Minh Bến Thành của Tổng Công ty Cổ phần bảo hiểm Bảo Minh, Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông; Tổng giám đốc Công ty TNHH Công nghệ Mạng Toàn Cầu; Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Môi giới bảo hiểm Jardine Lloyd's Thompson và Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm Bảo Long.

Hiện nay, Ông Dũng giữ chức vụ Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm Bảo Long.



THÀNH VIÊN HĐQT KIÊM GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH

Bà Phạm Minh Châm

Bà Phạm Minh Châm tốt nghiệp Cử nhân Khoa Kế toán- Kiểm toán trường Đại học Kinh tế Quốc Dân; Thành viên Hội Kế toán công chứng Anh ACCA.

Bà Châm có hơn 10 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kiểm toán. Trước đây, Bà Châm giữ chức vụ Chủ nhiệm kiểm toán khối tài chính, ngân hàng tại Công ty TNHH Ersnt & Young Việt Nam. Hiện nay, Bà Châm đang giữ chức vụ Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc tài chính Tổng công ty cổ phần Bảo Hiểm Bảo Long.

5.3. Thông tin về Ban Tổng Giám đốc



THÀNH VIÊN HĐQT KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Phan Quốc Dũng

Ông Phan Quốc Dũng tốt nghiệp Kỹ sư Hàng hải và tham gia chương trình sau đại học Fullbright Kinh tế học ứng dụng dành cho chính sách công.

Ông Dũng có hơn 20 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành bảo hiểm trong và ngoài nước. Trước đây, ông từng đảm nhiệm các vị trí Trưởng Phòng Bảo hiểm Hàng hóa, Trưởng phòng Quản lý Nghiệp vụ, Trưởng phòng bảo hiểm Tài sản kỹ thuật, Phó Giám đốc Sở giao dịch, Giám đốc Bảo Minh Bến Thành của Tổng Công ty Cổ phần bảo hiểm Bảo Minh, Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông; Tổng giám đốc Công ty TNHH Công nghệ Mạng Toàn Cầu; Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Môi giới bảo hiểm Jardine Lloyd's Thompson và Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm Bảo Long.

Hiện nay, Ông Dũng giữ chức vụ Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm Bảo Long.



THÀNH VIÊN HĐQT KIÊM GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH

Bà Phạm Minh Châm

Bà Phạm Minh Châm tốt nghiệp Cử nhân Khoa Kế toán- Kiểm toán trường Đại học Kinh tế Quốc Dân; Thành viên Hội Kế toán công chứng Anh ACCA.

Bà Châm có hơn 10 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kiểm toán. Trước đây, Bà Châm giữ chức vụ Chủ nhiệm kiểm toán khối tài chính, ngân hàng tại Công ty TNHH Ersnt & Young Việt Nam. Hiện nay, Bà Châm đang giữ chức vụ Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc tài chính Tổng công ty cổ phần Bảo Hiểm Bảo Long.



KẾ TOÁN TRƯỞNG

Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga

Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga tốt nghiệp cử nhân Tài chính Kế toán – Trường Đại học Kinh tế TP HCM và được đào tạo bồi dưỡng Kế toán trưởng.

Bà Nga có hơn 18 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành bảo hiểm. Trước đây, Bà làm việc tại Công ty Bảo hiểm TP HCM, Công ty Bảo hiểm Bảo Minh Sài Gòn, Công ty Bảo hiểm Bảo Minh Bến Thành, Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông và giữ nhiều chức vụ quan trọng như: Phó Trưởng phòng Kế toán, Giám đốc Tài chính – Kế toán. Hiện nay, Bà Nga đang giữ chức vụ Kế toán trưởng thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Bà Lưu Thị Tố Trinh

Bà Lưu Thị Tố Trinh tốt nghiệp Cử nhân Ngân hàng – Trường ĐH Ngân hàng TP HCM.

Bà Trinh có hơn 19 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành tài chính, ngân hàng. Trước đây, Bà làm việc tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu (Eximbank), Ngân hàng TMCP Nam Á, Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB) và giữ nhiều chức vụ quan trọng như: Kiểm tra viên – Kiểm tra nội bộ, Kiểm toán viên – Kiểm toán nội bộ tại Eximbank; Trưởng phòng Quản lý tín dụng tại Nam Á; Trưởng Phòng Quản lý Tín dụng, Trưởng Ban Thư ký, Trợ lý Tổng Giám đốc, Giám đốc Sản phẩm Doanh nghiệp, Giám đốc Đầu tư tại SCB.

Hiện nay, Bà Trinh đang giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc thuộc Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Hồ Quang Đức

Ông Hồ Quang Đức tốt nghiệp Đại Học Kinh Tế , chuyên ngành Quản Trị Kinh Doanh và Thạc Sĩ Kinh Tế , chuyên ngành Kinh Tế Phát Triển chương trình Đại Học La Hague, Hà Lan.

Ông Đức có 20 năm kinh nghiệm làm việc với các công ty trong và ngoài nước. Trong đó có 16 năm làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ. Trước đây, Ông Đức đảm nhiệm chức vụ Phó chủ tịch bảo hiểm Thương Mại của AIG Việt Nam. Ngoài ra, Ông Đức đang là giảng viên khoa Quản trị Kinh Doanh trường Đại học HUTECH, chuyên viên Huấn luyện Chuyên nghiệp được xác nhận bởi Hiệp Hội Huấn Luyện Quốc Tế (ICF) và là người sáng lập công ty tư vấn và đào tạo West Point Consulting Vietnam. Hiện nay, Ông Đức đang giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc của Tổng Công Ty Bảo Hiểm Bảo Long.



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC KINH DOANH

Bà Lê Thanh Hằng

Bà Lê Thanh Hằng tốt nghiệp Thạc sỹ ngành Quản trị Kinh doanh điều hành của UBI.

Bà Hằng có gần 20 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành bảo hiểm. Trước đây, Bà Hằng từng đảm nhiệm các chức vụ quản lý, điều hành như: Phó Phòng hàng hải, Trưởng phòng hàng hải, Giám đốc Ban Bảo hiểm Hàng hải – Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhà Rồng, Giám đốc Sở Giao dịch Bảo Long – Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long. Ngoài ra, Bà Hằng đang là Giảng viên thỉnh giảng của trường Đại học Kinh tế TP HCM. Hiện nay, Bà Hằng đang giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh kiêm Giám đốc Sở Giao dịch Bảo Long thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC KINH DOANH

Ông Đoàn Trọng Thắng

Ông Đoàn Trọng Thắng tốt nghiệp cử nhân Tài chính – Kế toán tại trường Đại học Kinh tế.

Ông Thắng có hơn 24 năm kinh nghiệm làm việc, trong đó có hơn 08 năm làm việc trong ngành bảo hiểm. Trước đây, Ông Thắng từng đảm nhiệm các chức vụ quản lý, điều hành như: Kế toán trưởng Trung tâm Dịch vụ - Công ty TNHH Sài Gòn Ô tô (Sài Gòn Ford); Trưởng phòng Kinh doanh số 5 – Hội sở Bảo Long Sài Gòn thuộc Công ty Bảo hiểm Nhà Rồng, Phó Giám đốc Hội sở Bảo Long Sài Gòn thuộc Công ty Bảo hiểm Nhà Rồng, Phó Tổng Giám đốc Công ty Bảo hiểm Dầu khí Bến Thành; Giám đốc Công ty Bảo hiểm Bảo Long Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long. Hiện nay, Ông Thắng đang giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh kiêm Giám đốc Công ty Bảo hiểm Bảo Long Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC KINH DOANH

Ông Nguyễn Ngọc Lân

Ông Nguyễn Ngọc Lân tốt nghiệp Thạc sỹ ngành Quản trị Kinh doanh của Đại học Griggs.

Ông Lân có hơn 15 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành bảo hiểm. Trước đây, Ông Lân từng đảm nhiệm các chức vụ quản lý, điều hành như: Giám đốc Bảo Minh Quảng Ninh thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh, Giám đốc Công ty Bảo hiểm SVIC Quảng Ninh thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm SHB – Vinacomin, Giám đốc Công ty Bảo hiểm Bảo Long Quảng Ninh thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long. Hiện nay, Ông Lân đang giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh kiêm Giám đốc Công ty Bảo hiểm Bảo Long Quảng Ninh thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC KINH DOANH

Ông Hà Hoàng Giang

Ông Hà Hoàng Giang tốt nghiệp Kỹ sư ngành Máy Tàu thủy – Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

Ông Giang có hơn 25 năm kinh nghiệm làm việc, trong đó có hơn 20 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành bảo hiểm. Trước đây, Ông làm việc tại Công ty Vận tải biển Khánh Hòa, Công ty Bảo hiểm PJICO, Công ty Bảo hiểm Bảo Minh, Công ty Bảo hiểm Toàn Cầu và giữ nhiều chức vụ quan trọng như: Kỹ sư máy tàu Viễn Dương, Trưởng phòng Khu vực, Trưởng phòng Bảo hiểm Hàng hải, Giám đốc Công ty Bảo hiểm Toàn Cầu Hồ Chí Minh, Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

Hiện nay, Ông Giang đang giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh kiêm Giám đốc Công ty Bảo hiểm Bảo Long Đông Phương thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC KINH DOANH

Ông Dương Quang Ngọc

Ông Dương Quang Ngọc tốt nghiệp Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng thuộc Trường Đại học Tài chính – Marketing.

Ông Ngọc hơn 18 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành bảo hiểm phi nhân thọ. Trước đây, Ông từng giữ các chức vụ tại Bảo Long: Trợ lý Tổng giám đốc kiêm Trưởng phòng Bảo hiểm Tài sản - Kỹ thuật, Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Ban Dự án thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm Bảo Long.

Hiện nay, Ông Ngọc đang giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh kiêm Giám đốc Công ty Bảo hiểm Bảo Long Đông Sài Gòn thuộc Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC KINH DOANH

Ông Trần Thanh Nam

Ông Trần Thanh Nam tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, chương trình Thạc sĩ Việt-Bi (MMVB2).

Trước đây, Ông từng giữ các chức vụ: Giám đốc Dự án Coca-Cola Beverages Vietnam Ltd, Giám đốc Công ty TNHH XD & TM Giang

Nam, Phó Giám đốc Công ty TNHH Bất Động sản Vinaland, Chánh văn phòng HĐQT Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Bảo Long, Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Bảo Long.

Hiện nay, Ông Nam đang giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh kiêm Giám đốc Công ty Bảo hiểm Bảo Long Tân Sơn Nhất thuộc Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm Bảo Long.

6. Định hướng phát triển giai đoạn 2016 - 2018

6.1. Mục tiêu phát triển giai đoạn 2016 - 2018

Mục tiêu hoạt động của Bảo Long giai đoạn năm 2016 - 2018 là “Tăng trưởng ổn định, bền vững trên cơ sở kiểm soát tốt rủi ro và hiệu quả”.

6.2. Định hướng thực hiện giai đoạn 2016 - 2018

Để đạt được mục tiêu đề ra, Bảo Long đưa ra 3 nhóm định hướng như sau:

Thứ nhất, tăng trưởng doanh thu với tốc độ tối thiểu ngang bằng mặt bằng của thị trường trên cơ sở phát huy đà tăng trưởng hiện tại, khai thác tối đa mạng lưới kinh doanh của SCB và đồng thời phát triển các kênh bán hàng mới như môi giới và Bancassurance.

Thứ hai, tạo nền tảng bền vững để duy trì được tốc độ tăng trưởng doanh thu từ phí bảo hiểm trong dài hạn theo hướng phát triển mạng lưới bán lẻ. Triển khai các giải pháp để hỗ trợ cho hoạt động khai thác, bán hàng như nâng cao tính cạnh tranh và tính sẵn sàng của hệ thống sản phẩm, nâng cao mức độ nhận diện thương hiệu của Bảo Long, xây dựng và từng bước hoàn thiện chức năng quản lý và chăm sóc khách hàng.

Thứ ba, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống trên cơ sở đánh giá lại và triển khai các biện pháp cải thiện, bao gồm rà soát lại quy trình quản lý nghiệp vụ và quản trị rủi ro, cơ chế quản trị điều hành tầm cao, hiệu quả sử dụng nguồn lực Công nghệ thông tin và đưa vào ứng dụng trong thực tiễn.

7. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng

Chung tay xây dựng đất nước giàu mạnh, tạo công ăn việc làm cho người lao động để giảm tỷ lệ thất nghiệp, giảm tỷ lệ người nghèo.

Tiếp sức cho thế hệ trẻ tương lai của đất nước có điều kiện học tập, trao dồi kiến thức thông qua các công tác từ thiện hàng năm.

Góp phần ổn định thị trường bảo hiểm, phát triển kinh tế trong nước.

Đa dạng sản phẩm bảo hiểm để tạo ra nhiều sự lựa chọn cho khách hàng, chia sẻ rủi ro với cộng đồng.

8. Các rủi ro

Sự phục hồi kinh tế toàn cầu và kinh tế Việt Nam sau giai đoạn suy thoái cần khá nhiều thời gian nên sẽ ảnh hưởng đến nhu cầu bảo hiểm trong tương lai. Điều này lại gián tiếp khiến hoạt động kinh doanh bảo hiểm gặp rủi ro.

Sự ấm lên toàn cầu, biến đổi khí hậu và môi trường đang ngày càng đe dọa hoạt động kinh doanh nói chung và trực tiếp là hoạt động bảo hiểm vì đây là ngành kinh doanh rủi ro.

Việc mở cửa thị trường bảo hiểm tạo áp lực cạnh tranh rất cao. Các doanh nghiệp nước ngoài với tiềm lực tài chính mạnh, hệ thống quản lý hiện đại sẽ tạo thêm sức ép cạnh tranh khá lớn cho Công ty.

Nguy cơ trục lợi bảo hiểm là rất lớn do chế tài xử phạt hành vi gian lận bảo hiểm hiện còn nhiều lỗ hổng. Mặc dù tiềm năng phát triển của thị trường bảo hiểm Việt Nam rất lớn, song các Doanh nghiệp bảo hiểm nói chung và Bảo Long nói riêng cũng đang phải đối phó với tình trạng trục lợi bảo hiểm gia tăng với thủ đoạn càng lúc càng tinh vi và phức tạp.

PHẦN II – QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

1. Thông tin cổ phiếu

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số cổ phần 60.000.000 cổ phần

2. Cơ cấu cổ đông

2.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn điều lệ tại thời điểm ngày 31/03/2017

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Ngân hàng TMCP Sài Gòn	49.082.342	81,80
2	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	3.903.651	6,51
Tổng cộng		52.985.9939	88,31

2.2. Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/03/2017

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông trong nước	59.984.865	99,98
	- Pháp nhân	54.046.540	90,08
	- Cá nhân	5.938.325	9,90
2	Cổ đông nước ngoài	14.609	0,02

- Pháp nhân	-	-
- Cá nhân	14.609	0,02
Cổ phiếu quỹ	526	0,00
Tổng cộng	60.000.000	100,00

3. Thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 của Bảo Long tổ chức ngày 25/05/2016 đã được Đại hội thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Bảo Long từ 500 tỷ đồng lên 600 tỷ đồng. Dựa trên cơ sở đó, Bảo Long hoàn tất hồ sơ tăng vốn trình Bộ Tài chính và Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận. Theo đó:

- Ngày 15/07/2016, Bộ Tài chính đã có công văn số 9805/BTC-QLBH của BTC về việc chấp thuận nguyên tắc tăng vốn điều lệ của Bảo Long từ 500 tỷ đồng lên 600 tỷ đồng.
- Ngày 01/11/2016, UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 72/GCN-UBCK và Quyết định gia hạn số 76/QĐ-UBCK ngày 23/01/2017.
- Ngày 22/02/2017, Bảo Long đã hoàn tất đợt chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ và đã gửi báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu ra công chúng đến Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Ngày 08/03/2017, Bảo Long nhận được Công văn số 1078/UBCK-QLCB của UBCKNN ngày 01/03/2017 về việc báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng của Bảo Long, số lượng cổ phiếu phát hành và chào bán thành công là 10.000.000 cổ phiếu.
- Hiện nay, Bảo Long đã được Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh thay đổi vốn điều lệ từ 500 tỷ đồng lên 600 tỷ đồng theo giấy phép số 71/GPĐC18/KDBH ngày 07/04/2017.

4. Các đợt phát hành chứng khoán trong năm 2016

Trong năm 2016, Bảo Long có 01 đợt phát hành 10.000.000 cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ, trong đó:

- Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho năm 2015 với tỷ lệ 2,4% : 1.200.000 cổ phiếu
- Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 17,6% : 8.800.000 cổ phiếu.

PHẦN III - HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2016 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2017

1. Tổng quan thị trường Bảo hiểm Phi nhân thọ năm 2016 và dự báo năm 2017

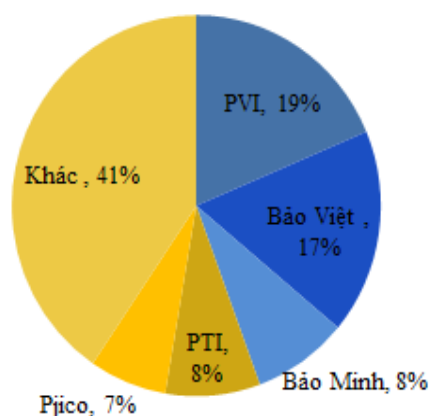
1.1. Hoạt động thị trường bảo hiểm phi nhân thọ năm 2016

Năm 2016 đánh dấu một năm hoạt động với nhiều kết quả tích cực của ngành bảo hiểm phi nhân thọ. Theo thống kê từ Cục quản lý - giám sát Bảo hiểm, tổng doanh thu phí bảo hiểm đạt 36.372 tỷ đồng, tăng trưởng 14,04% so với cùng kỳ 2015.

Xét về thị phần, 5 doanh nghiệp đứng đầu thị trường tiếp tục nắm giữ phần lớn thị phần và xoay quanh mức 59% với Bảo hiểm PVI vẫn dẫn đầu (18,65%), Bảo hiểm Bảo Việt về thứ nhì (17,41%), tiếp sau vẫn là Bảo Minh (8,34%), PTI (8,30%) và PJICO (6,78%).

Doanh thu toàn ngành chủ yếu vẫn đến từ 3 nghiệp vụ đó là bảo hiểm xe cơ giới, bảo hiểm sức khỏe con người, bảo hiểm tài sản và thiệt hại chiếm hơn 73% doanh thu toàn ngành... Trong đó, nghiệp vụ bảo hiểm xe cơ giới có doanh thu ước đạt 11.754 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 32,3% doanh thu toàn ngành, tiếp theo là bảo hiểm sức khỏe có doanh thu ước đạt 9.472 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 26,0% doanh thu toàn ngành, bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại có doanh thu ước đạt 5.409 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 14,9% doanh thu toàn ngành. Các nghiệp vụ còn lại chiếm tỷ trọng 26,80% doanh thu toàn ngành.

Thị phần các DN BHPNT năm 2016



Tỷ trọng doanh thu các mảng NV năm 2016



(Nguồn: Cục Quản lý – Giám sát Bảo hiểm)

Tương ứng doanh thu toàn ngành đạt được trong năm 2016, theo thống kê tổng số tiền bồi thường đã chi trả là 12.571 tỷ đồng, tỷ lệ bồi thường thực trên doanh thu là 34,56%, thấp hơn tỷ lệ cùng kỳ năm 2015 (43,31%). Một số doanh nghiệp có tỷ lệ bồi thường cao hơn 50%: Phú Hưng (53,07%), Fubon (75,89%), Cathay (62,74%) và SGI (56,24%).

1.2. Dự báo hoạt động ngành bảo hiểm phi nhân thọ năm 2016

Trước những biến động từ nền kinh tế vĩ mô trong và ngoài nước, ngành bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam được đánh giá là sẽ gặp nhiều khó khăn và thách thức trong việc phát triển thị trường. Tuy nhiên, thị trường bảo hiểm đã có những điều chỉnh tích cực để đạt được những mục tiêu tăng trưởng và phát triển, cụ thể như sau:

Sự cải thiện của môi trường pháp lý đối với hoạt động kinh doanh bảo hiểm. Thành tựu nổi bật là việc ban hành Nghị định 73/2016/NĐ-CP chỉnh sửa các quy định tạo tính đồng bộ giữa hệ thống pháp luật kinh doanh bảo hiểm với các văn bản pháp quy ở các lĩnh vực khác, đảm bảo quản lý chặt chẽ của nhà nước vừa tạo điều kiện cho các doanh nghiệp bảo hiểm phát triển ổn định.

Đồng thời, hoạt động kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ còn có nhiều cơ hội để triển khai nhiều loại sản phẩm như bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động xây dựng, trách nhiệm tư vấn khảo sát thiết kế, bảo hiểm khám chữa bệnh (theo Luật Khám chữa bệnh từ 1/6/2016); bảo hiểm nghề nghiệp của các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ (theo Luật Đầu tư); bảo hiểm tài sản công (theo Luật Quản lý tài sản công)...

Trước những thuận lợi do môi trường pháp lý mang lại, thị trường bảo hiểm Việt Nam vẫn duy trì mức độ tăng trưởng ổn định, tuy nhiên thực tế so với nhiều nước trong khu vực thì mức tăng trưởng này chưa tương xứng so với tiềm năng thị trường. Các công ty bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam vẫn còn gặp nhiều khó khăn với bài toán mở rộng thị trường, phát triển thêm các sản phẩm và kênh phân phối mới phù hợp với xu thế vận động chung. Ngoài ra vai trò của quản trị rủi ro vẫn chưa được đánh giá cao trong công tác quản trị của các doanh nghiệp.

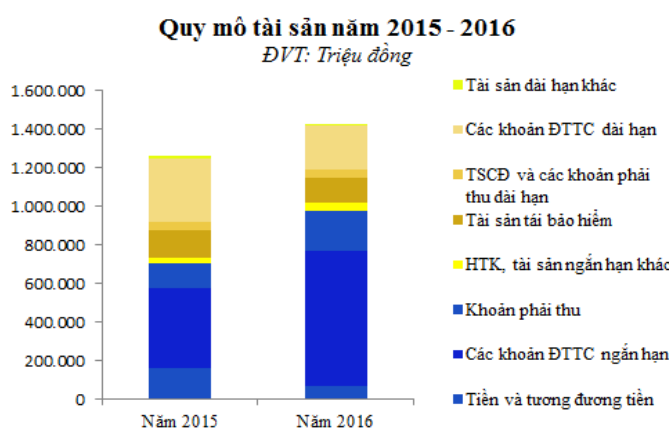
Trên cơ sở những cơ hội và thách thức nêu trên, thị trường bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam được dự đoán tiếp tục duy trì và tăng trưởng ổn định đạt mức 18-20% trong năm 2017 (so với mức tăng trưởng 16% trong năm 2016).

Các công ty bảo hiểm phi nhân thọ trong thị trường hiện đang hướng đến mục tiêu phát triển và tăng trưởng bền vững, từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ, năng lực cạnh tranh và khả năng quản lý điều hành trên cơ sở nội tại của từng công ty.

2. Kết quả kinh doanh của Bảo Long năm 2016

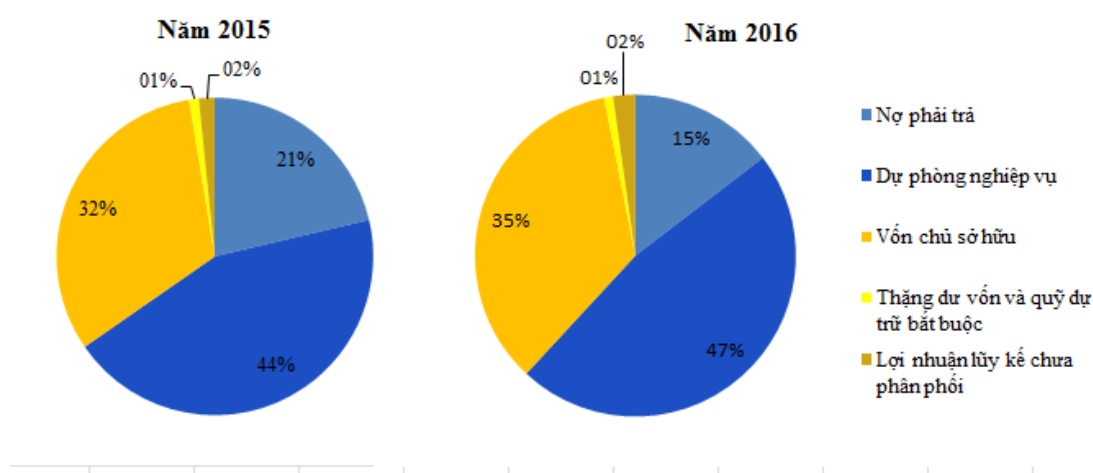
2.1. Về quy mô tài sản – nguồn vốn năm 2016

Quy mô tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2016 là 1.429.641 triệu đồng, tăng 13% so với năm 2015.



Nhìn chung, cơ cấu tài sản của Bảo Long tương đối ổn định và không có sự dịch chuyển đáng kể. Trong đó, chiếm tỷ trọng lớn nhất luôn là các khoản đầu tư tài chính (65% TTS), kể đến là các khoản phải thu (14% TTS).

Cơ cấu nguồn vốn không thay đổi lớn so với năm 2015, vốn chủ sở hữu và quỹ dự phòng vẫn chiếm tỷ trọng đa số khoảng 80% tổng nguồn vốn cho thấy khả năng tự chủ tài chính của Bảo Long ở mức khá cao.



Tổng quỹ dự phòng nghiệp vụ đạt 547.391 triệu đồng, tăng 32,51% so với năm 2015 giúp tăng cường khả năng thanh toán kịp thời của Bảo Long cho các tổn thất lớn phát sinh, đồng thời tạo ra thế mạnh cạnh tranh và tính linh hoạt trong hoạt động đầu tư, kinh doanh, phù hợp với tình hình thị trường.

2.2. Về kết quả kinh doanh năm 2016

Chỉ tiêu	KH 2016 (triệu đồng)	TH 2016 (triệu đồng)	% HTKH
Hoạt động kinh doanh bảo hiểm			
- Doanh thu phí bảo hiểm	802.500	803.773	100%
- Chi phí bồi thường	(283.500)	(252.246)	89%
- Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	9.200	10.753	117%
Hoạt động đầu tư tài chính			
- Doanh thu	80.000	89.922	112%
- Chi phí	(5.000)	(13.558)	271%
- Lợi nhuận gộp từ hoạt động đầu tư tài chính	75.000	76.365	102%
Thu nhập từ hoạt động khác	-	298	
Chi phí quản lý doanh nghiệp tại TSC	(75.400)	(72.156)	96%
Hiệu quả kinh doanh trước trích lập dự phòng phí và thuế	93.259	114.809	123%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.800	15.260	173%

Tổng thể, kết quả hoạt động kinh năm 2016 đạt kế hoạch đề ra, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế đạt 15.260 triệu đồng, tương ứng với 173% kế hoạch. Kết quả của từng chỉ tiêu hoạt động cụ thể như sau:

2.2.1. Hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Doanh thu từ phí bảo hiểm

Năm 2016, doanh thu từ phí bảo hiểm đạt 803.774 triệu đồng, tăng trưởng 33% so với năm 2015, hoàn thành 100% kế hoạch đề ra.

Chi phí bồi thường

Tỷ lệ bồi thường (gốc và nhận tái) bao gồm tăng giảm ước bồi thường là 31%. Trong đó, tỷ lệ bồi thường (bao gồm tăng/giảm ước bồi thường) hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc giảm từ 34,5% (tại thời điểm 31/12/2015) xuống 30,9% tại thời điểm 31/12/2016.

Xét về giá trị tuyệt đối, chi phí bồi thường bảo hiểm gốc (bao gồm thu đòi người thứ 3 và tăng/giảm ước bồi thường) là 239.935 triệu đồng, chi phí bồi thường bảo hiểm gốc thuộc trách nhiệm giữ lại là 223.155 triệu đồng.

Tỷ lệ bồi thường hoạt động nhận tái năm 2016 là 41%, giảm so với tỷ lệ bồi thường cùng kỳ năm 2015 (tỷ lệ bồi thường năm 2015 là 106%).

2.2.2. Hoạt động đầu tư tài chính

Lợi nhuận đầu tư tài chính năm 2016 đạt 76.365 triệu đồng, bao gồm lợi nhuận thuần từ hoạt động đầu tư là 77.137 triệu đồng và chi phí từ các hoạt động tài chính khác như đánh giá lại tỷ giá, chi phí giao dịch gửi tiền ... là 772 triệu đồng.

Hoạt động đầu tư	KH 2016 (triệu đồng)			TH 2016 (triệu đồng)		
	Nguồn	Thu nhập	ROI	Nguồn BQ	Thu nhập	ROI
Hoạt động đầu tư	948.000	75.360	7,95%	848.053	77.137	9,10%

Tổng thể, kết quả hoạt động kinh doanh đầu tư năm 2016 đạt được kế hoạch đề ra. Tổng lợi nhuận gộp là 77.137 triệu đồng so với tổng giá trị vốn đầu tư bình quân là 848 tỷ đồng, tương ứng ROA 9,1%, đáp ứng 102% kế hoạch năm 2016.

2.2.3. Chi phí quản lý của trụ sở chính

Chi phí quản lý tại trụ sở chính	KH 2016 Triệu đồng	TH 2016 Triệu đồng	% biến động
Chi phí quản lý tại trụ sở chính	75.400	72.156	(4%)
Tỷ lệ so với tổng doanh thu phí bảo hiểm	9,4%	9%	

Chi phí quản lý tại trụ sở chính phát sinh trong năm 2016 là 72.156 triệu đồng, thấp hơn 4% so với kế hoạch dự kiến, đưa tỷ trọng chi phí quản lý của trụ sở chính xuống mức 9% so với tổng doanh thu phí bảo hiểm.

2.2.4. Lợi nhuận kế toán

Năm 2016, lợi nhuận trước thuế của Bảo Long đạt 15.260 triệu đồng, hoàn thành 173% kế hoạch và giảm 25% so với năm 2015 (20.220 triệu đồng) do tăng chi phí trích lập dự phòng phí. Xét về bản chất đây là yếu tố tích cực, tạo sự tích lũy cho hoạt động đầu tư tài chính và nền tảng hoạt động cho những năm tài chính kế tiếp.

3. Những cải tiến về tổ chức, chính sách, quản lý trong năm 2016

3.1. Công tác Tổ chức và nhân sự

Năm 2016, trong tiến trình tái cơ cấu toàn hệ thống, Bảo Long đã hoàn thành việc sắp xếp lại các Ban/Trung tâm tại Trụ sở chính theo hướng tinh gọn và hiệu quả. Ngoài ra, Bảo Long tiếp tục nâng cao chất lượng nhân sự kèm theo việc xây dựng cơ chế/chính sách quản trị nguồn nhân lực phù hợp. Năm 2016, mục tiêu đề ra là tiếp tục nâng cao chất lượng nhân sự, đối với trụ sở chính trọng tâm là đội ngũ quản lý cấp trung, đối với đơn vị thành viên là đội ngũ lãnh đạo các đơn vị thành viên. Theo thống kê, tổng số nhân sự mới bổ sung là 55%. Đồng thời, các chương trình đào tạo đã được tổ chức nhiều hơn (trong năm 2016 có 49 lớp đào tạo, cho 731 học viên với chi phí hơn 1 tỷ đồng, trong đó 8 lớp là đào tạo cho đối tác và đại lý, 41 lớp đào tạo cho nhân sự nội bộ).

3.2. Công tác Phát triển mạng lưới kinh doanh

Năm 2016, Bảo Long đã gặt hái được nhiều thành công trong công tác phát triển mạng lưới kinh doanh, cụ thể:

Bảo Long đã thành lập thêm 11 Công ty thành viên mới, bao gồm: Kiên Giang, Đông Sài Gòn, Gia Lai, Lâm Đồng, Quảng Bình, Bắc Ninh, Đông Phương, Hải Dương, Nam Định, Vĩnh Phúc, Đông Hải. 11 Công ty thành viên này cùng với Sở Giao Dịch Miền Bắc thành lập thêm trong Quý 1- 2017 đã nâng tổng số Công ty thành viên của toàn hệ thống lên 42 đơn vị.

Song song với việc thành lập các mạng lưới mới, Bảo Long thực hiện rà soát và sắp xếp lại các đơn vị thành viên yếu, bước đầu Bảo Long Bắc Trung Bộ, Thủ Đô, Thanh Hóa, Thăng Long sau khi thực hiện tái cơ cấu đã đạt kết quả tích cực khi hoàn thành vượt 100% kế hoạch doanh thu năm 2016.

3.3. Công tác Phát triển sản phẩm

Với mục tiêu nâng cao tính cạnh tranh và tính sẵn sàng của sản phẩm khi cung cấp ra thị trường, năm 2016 Bảo Long đã ban hành các hướng dẫn đối với các nhóm sản phẩm hiện hữu cũng như đang trong quá trình xây dựng và triển khai các sản phẩm mới.

Bên cạnh đó, Bảo Long không ngừng đa dạng hóa các sản phẩm thông qua việc triển khai sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp như Macca, bảo hiểm rau sạch, sản phẩm bảo hiểm “An tâm tín dụng” kết hợp với các ngân hàng.

Các dự án thúc đẩy sản phẩm cá nhân thông qua các kênh phân phối từ Manulife, internet banking, online... đang trong quá trình triển khai và thực hiện.

3.4. Công tác Marketing, bán hàng và chăm sóc khách hàng

Bảo Long đã tổ chức thành công nhiều chương trình bán hàng, phong trào thi đua trên toàn hệ thống nhằm đẩy mạnh phát triển doanh thu: Bảo Long Rồng Vàng, thi đua 6 tháng đầu năm, thi đua 5 tháng cuối năm, chương trình thi đua khen thưởng và thúc đẩy bán hàng qua kênh Ngân hàng năm 2016...

Ngoài ra, nhằm nâng cao mức độ nhận diện thương hiệu trên thị trường, Bảo Long đã xây dựng bộ tài liệu bán hàng điện tử (eBrochure) để truyền tải thông điệp, thương hiệu của Công ty một cách chuyên nghiệp.

Song song với việc phát triển thương hiệu, Bảo Long cũng tập trung vào công tác chăm sóc hàng để hỗ trợ khách tối đa cho hoạt động khai thác và nâng cao vị thế cạnh tranh của Bảo Long trên thị trường. Các hoạt động cụ thể như: Thống nhất triển khai mô hình kinh doanh theo các kênh doanh nghiệp, cá nhân, môi giới và Bancassurance, triển khai hoạt động quản lý chăm sóc khách hàng thông qua việc thúc đẩy các hợp đồng tái tục trên toàn hệ thống

Ngoài ra, Bảo Long còn triển khai hợp tác với các đối tác khác như ngân hàng Tiên Phong, phát triển hợp tác với Manulife.

3.5. Công tác Quản trị điều hành

Nhằm mục tiêu nâng cao tính tổ chức, kỷ luật và hiệu quả của quy trình quản trị điều hành, năm 2016 Bảo Long đã triển khai nhiều hoạt động thiết thực, cụ thể: xây dựng và hoàn thiện Quy định chế tài trong hoạt động kinh doanh của Bảo Long, xây dựng và ban hành Sổ tay chất lượng tại Bảo Long, xây dựng và thành lập Hội đồng xử lý và thu hồi công nợ để cải thiện chất lượng doanh thu của hệ thống.

Sau một thời gian ban hành quy định về luân chuyển thông tin, sử dụng phần mềm quản lý văn bản, sự kịp thời và thông suốt của thông tin đã được cải thiện rõ rệt, ý thức và tinh thần trách nhiệm của các nhân sự được nâng cao hơn, đặc biệt là ở khối quản lý trụ sở chính.

Ngoài ra, Bảo Long cũng đã xây dựng hệ thống báo cáo quản trị được thiết lập cho mục đích quản trị của Ban điều hành, triển khai chương trình đánh giá định kỳ chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015.

3.6. Công tác Quản lý nghiệp vụ

Với mục tiêu của công tác Quản lý nghiệp vụ trong năm 2016 là “Nâng cao chất lượng quản lý nghiệp vụ để đảm bảo các quy trình kinh doanh được vận hành một cách hiệu quả, giảm thiểu rủi ro và đáp ứng được yêu cầu của chiến lược kinh doanh đặt ra”, Bảo Long đã thực hiện các hoạt động cụ thể để hoàn thành mục tiêu đặt ra, như:

- Tách bạch giữa chức năng khai thác và chức năng quản lý nghiệp vụ;
- Xây dựng quy tắc và phí bảo hiểm vật chất xe thống nhất toàn thị trường;

- Hướng dẫn, hỗ trợ các Công ty thành viên trong công tác khai thác, đưa ra phương án chào phí cạnh tranh.
- Thường xuyên giám sát, kiểm tra tính tuân thủ về quy trình nghiệp vụ, công tác khai thác – giám định – bồi thường của từng đơn vị. Qua đó chấn chỉnh lại những vấn đề còn thiếu sót của đơn vị, đồng thời hướng dẫn, hỗ trợ các đơn vị thực hiện đúng quy trình nghiệp vụ.
- Xây dựng biểu phí cho từng nghiệp vụ cụ thể.

4. Kế hoạch kinh doanh năm 2017

4.1. Các chỉ tiêu kinh doanh trong năm 2017

4.1.1. Mục tiêu

“Tăng trưởng nhanh, bền vững trên cơ sở kiểm soát tốt rủi ro và hiệu quả”

4.1.2. Giải pháp kinh doanh năm 2017

Năm 2017, Bảo Long tập trung vào 10 nhóm giải pháp kinh doanh sau:

- ❖ **Nhóm 1 - Bán hàng:** Tiếp tục phát triển mạnh mạng lưới bán lẻ truyền thống trên cơ sở xây dựng 7 trụ cột bán lẻ, đồng thời triển khai và phát triển có chọn lọc/ trọng tâm các kênh phân phối mới;
- ❖ **Nhóm 2 - Cơ chế/định mức tài chính:** phù hợp với chiến lược phát triển, giảm thiểu mâu thuẫn về lợi ích;
- ❖ **Nhóm 3 - Chính sách khách hàng:** thiết lập nguyên tắc ứng xử và quy trình vận hành phù hợp, có chọn lọc theo từng nhóm/ đối tượng khách hàng;
- ❖ **Nhóm 4 - Dịch vụ sau bán:** tổ chức lại và nâng cao chất lượng phục vụ của hệ thống giám định, bồi thường;
- ❖ **Nhóm 5 - Hoạt động quản lý:** củng cố, đổi mới, tổ chức lại hoạt động kinh doanh khai thác bảo hiểm;
- ❖ **Nhóm 6 - Nhân sự:** Hoàn thiện các quy chế, chính sách về Tổ chức nhân sự, trên cơ sở đó nâng cao chất lượng nhân sự và bố trí lại nhân sự một cách phù hợp;
- ❖ **Nhóm 7 - Quản lý rủi ro:** tạo sự chủ động và có kiểm soát của mọi mặt hoạt động kinh doanh trong điều kiện tăng trưởng doanh thu nhanh thông qua khung quản trị rủi ro, quy trình và công cụ quản trị rủi ro phù hợp;
- ❖ **Nhóm 8 - Quản lý chi phí:** đảm bảo không thất thoát chi phí ở mọi khâu của quá trình hoạt động kinh doanh
- ❖ **Nhóm 9 - Thông tin quản trị:** đảm bảo sự kịp thời, thông suốt và chính xác của thông tin trong quá trình vận hành

- ❖ **Nhóm 10 - Năng lực tài chính:** tiếp tục nâng cao vốn điều lệ để theo kịp và đón đầu những cơ hội/ thách thức của thị trường.

4.2. Kế hoạch tài chính năm 2017

Chỉ tiêu	TH 2016 (triệu đồng)	KH 2017 (triệu đồng)	% Tăng trưởng
Hoạt động kinh doanh bảo hiểm			
- Doanh thu phí bảo hiểm	803.773	1.008.000	25%
- Chi phí bồi thường	(252.24)	(325.600)	29%
- Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10.753	23.300	145%
Hoạt động đầu tư tài chính			
- Doanh thu	89.922	95.000	6%
- Chi phí	(13.558)	(13.000)	(4%)
- Lợi nhuận gộp từ hoạt động đầu tư tài chính	76.365	82.000	7%
Thu nhập từ hoạt động khác	298	-	
Chi phí quản lý doanh nghiệp tại TSC	(72.156)	(87.300)	21%
Hiệu quả kinh doanh trước trích lập dự phòng phívà thuế	114.809	108.400	(6%)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15.260	18.000	18%

Quy mô tài sản và nguồn vốn

Chỉ tiêu	TH 2016 (triệu đồng)	KH 2017 (triệu đồng)	% Tăng trưởng
Quỹ dự phòng nghiệp vụ	547.391	642.319	17%
Vốn điều lệ	500.000	600.000	20%
Danh mục đầu tư	906.786	1.058.000	17%
Tổng tài sản	1.429.640	1.550.000	8%

PHẦN IV – ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

1. Đánh giá hoạt động của Bảo Long

Chi tiết nêu tại Phần III- Mục 2

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Điều hành

Với tinh thần trách nhiệm trước cổ đông, HĐQT đã thực hiện tốt việc kiểm tra, giám sát, hỗ trợ Ban Điều hành trong việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cũng như nghị quyết, quyết định của HĐQT. Mặc dù còn một số tồn tại nhưng các chỉ tiêu chủ yếu của Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2016 đã hoàn thành tạo tiền đề cho bước phát triển mới của Bảo Long trong năm 2017. Trong năm 2016, HĐQT tổ chức thực hiện một số nhiệm vụ chính yếu như sau:

- Tham gia với Ban Điều hành xây dựng 10 nhóm giải pháp kinh doanh và cùng đơn đốc thực hiện để đạt những kết quả cụ thể.

- Kịp thời thông qua và ban hành các Nghị quyết, quyết định liên quan đến chủ trương, chính sách và chỉ đạo Ban Điều hành thực hiện.
- Thường xuyên việc đánh giá công tác triển khai các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.
- Duy trì chế độ họp giao ban định kỳ để cùng Ban Điều hành đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.
- Cùng với Ban Điều hành thường xuyên rà soát cũng cố lại bộ máy tổ chức đảm bảo gọn nhẹ, tăng cường công tác quản lý ngành dọc
- Cùng với Ban Điều hành, trực tiếp kiểm tra tình hình hoạt động của các công ty thành viên để kịp thời hỗ trợ, tháo gỡ những khó khăn vướng mắc đảm bảo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các đơn vị.
- Thường xuyên phối hợp với Ban Kiểm soát trong hoạt động duy trì tính an toàn, kiểm soát rủi ro và đảm bảo hoạt động của Bảo Long theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ.

3. Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị năm 2017

3.1. Quản trị điều hành

- Chỉ đạo quản trị hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty phù hợp với các quy định pháp luật, điều chỉnh linh hoạt các chiến lược kinh doanh của Tổng Công ty phù hợp từng giai đoạn nhằm hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2017.
- Tăng cường công tác dự báo, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính toàn hệ thống an toàn, hiệu quả.
- Tiếp tục củng cố bộ máy tổ chức, nhân sự và đẩy mạnh phát triển hoạt động kinh doanh của Bảo Long. Cải tiến hệ thống quản trị theo hướng chuyên nghiệp hóa để đáp ứng đủ lực cho việc quản trị công ty theo định hướng phát triển.
- Tiếp tục chủ trương quản lý nghiệp vụ và quản lý tài chính thông qua công cụ hỗ trợ là phần mềm quản lý, chống trục lợi bảo hiểm, tái cơ cấu sản phẩm theo hướng tập trung vào các nghiệp vụ có hiệu quả, điều chỉnh và có giải pháp phù hợp đối với nghiệp vụ tái bảo hiểm là nguyên nhân gây lỗ hoạt động bảo hiểm, phát triển nghiệp vụ bảo hiểm mới, nghiên cứu phát triển kênh phân phối trên cơ sở hợp tác và tận dụng những lợi thế của các cổ đông ngân hàng.
- Tiếp tục xem xét việc đề nghị tăng vốn điều lệ của Bảo Long nhằm nâng cao năng lực tài chính đáp ứng các yêu cầu cạnh tranh và phát triển kinh doanh.
- Từng bước quản trị doanh nghiệp theo hướng hiện đại hoá để những năm tiếp theo xây dựng được một tập thể CBNV chuyên nghiệp, sáng tạo, trí tuệ.
- Tiếp tục duy trì và đẩy mạnh mọi mặt hoạt động của HĐQT theo đúng quyền hạn và trách nhiệm của mình; củng cố và tăng cường vai trò tham mưu của các Ủy ban trực

thuộc HĐQT; tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát, hỗ trợ Ban Điều hành đáp ứng tốt hơn nữa yêu cầu của Quý vị Cổ đông.

- Thực hiện phối hợp tốt với Ban kiểm soát tiếp tục duy trì tính an toàn và đảm bảo hoạt động của Bảo Long theo đúng quy định Pháp luật và Điều lệ Bảo Long.
- Tăng cường hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước để tìm kiếm các cơ hội hợp tác đầu tư, kinh doanh.

3.2. Đào tạo nhân sự, phát triển mạng lưới kinh doanh và thương hiệu

- Trong năm 2017, HĐQT đôn đốc Ban Điều hành đẩy mạnh việc rà soát, xây dựng các quy chế, quy định liên quan đến công tác tổ chức nhân sự như: hệ thống tiêu chuẩn chức danh, mô tả công việc theo từng chức danh; công tác đánh giá hiệu suất làm việc của CBNV (KPIs), chế độ chính sách cho người lao động ... đây cũng là tiền đề cho việc rà soát, đánh giá lại đội ngũ nhân sự hiện có để từ đó có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo, luân chuyển, quy hoạch cán bộ... đảm bảo nguồn nhân sự Bảo Long có chất lượng và ổn định
- Tiếp tục rà soát điều chỉnh chính sách khách hàng, nâng cao hơn nữa dịch vụ chăm sóc khách hàng để nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường bảo hiểm.
- Từng bước nâng cao thương hiệu của Bảo Long thông qua chất lượng dịch vụ và các giải pháp truyền thông. Tiếp tục xây dựng thương hiệu, văn hoá doanh nghiệp và phong cách phục vụ tốt, nâng cao hình ảnh, uy tín doanh nghiệp.
- Tiếp tục phát triển thêm mạng lưới hoạt động của Bảo Long ở những địa bàn có tiềm lực kinh tế, đánh giá tiềm năng thị trường của một số nước đang phát triển trong Khu vực như: Lào, Myanmar, Campuchia... để mở rộng mạng lưới sang các nước này. Cố gắng đặt 01 văn phòng đại diện tại 01 trong 03 Quốc gia này.
- Nỗ lực tối đa hóa quyền lợi của các cổ đông cũng như cải thiện thu nhập và điều kiện làm việc của toàn bộ CBNV làm việc tại Bảo Long nhằm thu hút chất xám và nhân sự tốt cho Bảo Long.

Năm 2017 là năm dự báo sẽ tiếp tục có nhiều biến động kinh tế sau hàng loạt những sự kiện quốc tế lớn diễn ra cuối năm 2016. Kinh tế Việt Nam 2017 được cảnh báo sẽ có nhiều diễn biến không tích cực về lãi suất Ngân hàng, tỷ giá, chỉ số chứng khoán, những tác động này ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến thị trường bảo hiểm. Trước những thách thức đó, HĐQT sẽ tăng cường hơn nữa công tác giám sát, kiểm tra, hỗ trợ hoạt động kinh doanh của Ban điều hành để phấn đấu hoàn thành kế hoạch năm 2017 đã đăng ký với Đại hội đồng cổ đông đạt mốc 1008 tỷ đồng và đưa Bảo Long phát triển bền vững hơn, nâng cao vị thế trên thị trường bảo hiểm.

PHẦN V – BÁO CÁO HƯỚNG TỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Quản trị doanh nghiệp hướng tới phát triển bền vững

Trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp nói chung và Bảo Long nói riêng thì ba yếu tố then chốt quyết định sự phát triển bền vững của doanh nghiệp là nâng cao năng lực hoạt động,

đóng góp xã hội - cộng đồng và bảo vệ môi trường. Trong đó, để phát triển bền vững trong dài hạn, góp phần xây dựng, củng cố niềm tin của khách hàng, nhà đầu tư, cổ đông và đóng góp cho xã hội – cộng đồng thì quản trị doanh nghiệp là yếu tố cốt lõi quyết định.

Nhận biết được tầm quan trọng của quản trị doanh nghiệp, trong thời gian vừa qua Bảo Long đã rà soát và ban hành mô hình tổ chức mới trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam và tiếp cận các chuẩn mực quốc tế nhằm kiện toàn bộ máy hoạt động, đảm bảo tính minh bạch trong việc quản lý, điều hành, phân cấp, ủy quyền và các nguyên tắc về kiểm tra, kiểm soát,... từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, Các khối nghiệp vụ chuyên trách (tài chính, quản trị rủi ro, kế toán, kinh doanh, phát triển kinh doanh, hỗ trợ, hỗ trợ kinh doanh, nghiệp vụ) và các Công ty thành viên. Song song đó, Bảo Long cũng đã ban hành một hệ thống các quy chế, quy định nội bộ nhằm tạo ra một cơ chế quản trị thống nhất và xuyên suốt để kiểm soát, giám sát hoạt động của mình một cách chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả, góp phần đảm bảo lợi ích của cổ đông và hài hòa với lợi ích của các bên liên quan bao gồm khách hàng, người lao động và cộng đồng.

2. Xây dựng mối quan hệ bền vững với các bên liên quan

2.1. Đối với cơ quan quản lý nhà nước

Bảo Long xác định việc tuân thủ quy định của Nhà nước, đồng thời xây dựng các cơ hội trao đổi hợp tác giữa Bảo Long và các Cơ quan ban ngành sẽ hỗ trợ tích cực cho sự phát triển bền vững của Bảo Long. Bảo Long đã, đang và sẽ thường xuyên cập nhật thông tin và đóng góp ý kiến thông qua Hiệp Hội Bảo Hiểm; cử CBNV tham gia các Hội thảo chuyên ngành về bảo hiểm, Hội thảo liên quan tới phổ biến những sửa đổi, bổ sung về chính sách, pháp luật bảo hiểm của Nhà nước,... để tăng cường trao đổi cũng như đưa ra những ý kiến đóng góp mang tính thiết thực và hỗ trợ cho sự phát triển của Bảo Long nói riêng và của toàn ngành bảo hiểm nói chung.

2.2. Đối với cổ đông, nhà đầu tư

Quan hệ cổ đông đóng vai trò then chốt giúp Bảo Long thu hút nguồn vốn hỗ trợ các kế hoạch kinh doanh, nâng cao năng lực tài chính, mở rộng quy mô mạng lưới hoạt động ... và giữ vững thị phần trong điều kiện thị trường bảo hiểm cạnh tranh ngày càng gay gắt. Tuy nhiên, dòng vốn chỉ thực sự tìm đến khi Bảo Long tạo dựng được niềm tin với nhà đầu tư, cổ đông bằng tầm nhìn phát triển bền vững và hiệu quả. Chính vì vậy, năm 2016 Bảo Long tiếp tục tập trung xây dựng thương hiệu uy tín đi đôi với việc tạo dựng niềm tin bền vững với nhà đầu tư, cổ đông thông qua các giải pháp, chiến lược:

- Thực hiện quản trị Công ty tốt để nâng cao hiệu quả kinh doanh, tăng khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí vốn cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.
- Phát triển bền vững, kinh doanh hiệu quả và uy tín trên thị trường.
- Tối đa hóa giá trị và lợi ích cho Cổ đông.

- Xây dựng niềm tin và sự trung thành của các nhà đầu tư, cổ đông lớn.
- Tạo lập các kênh thông tin để nhà đầu tư, cổ đông có thể tiếp cận dễ dàng, không phân biệt cổ đông lớn nhỏ.
- Xây dựng mối quan hệ lâu dài với các nhà đầu tư, cổ đông hiện hữu, tập trung duy trì và nâng cao các kênh đối thoại mở và liên tục với các bên liên quan.
- Chuyển tải hiệu quả, kịp thời các chiếc lược mang lại giá trị cho nhà đầu tư, cổ đông.
- Minh bạch cơ chế tài chính, hiệu quả kinh doanh tạo nguồn thông tin chính xác cho các nhà đầu tư, cổ đông có nhu cầu đầu tư vào Bảo Long.
- Đề cao tinh thần hợp tác cùng phát triển với nhà đầu tư, cổ đông và cam kết trở thành “Người đồng hành số 1, Người bạn tin cậy, đồng hành – đồng chia sẻ” của nhà đầu tư, cổ đông; luôn gia tăng các giá trị đầu tư hấp dẫn và bền vững.

2.3. Đối với khách hàng

Với phương châm **“Đồng hành, đồng chia sẻ”** Bảo Long không ngừng cải tiến để mang lại dịch vụ tốt nhất cho các khách hàng của mình. Trong năm 2016, Bảo Long tiếp tục triển khai và nâng cấp Trung tâm Chăm sóc Khách hàng để hỗ trợ tư vấn, giải đáp các thắc mắc liên quan đến sản phẩm/dịch vụ của Bảo Long, cũng như tiếp nhận khai báo tai nạn của khách hàng, nhanh chóng điều phối giám định đến hiện trường để ghi nhận các vụ tổn thất, xử lý bồi thường cho khách hàng một cách nhanh chóng. Ngoài ra, để đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ bảo hiểm ngày càng cao của khách hàng, Bảo Long cũng đã tiếp tục triển khai và phát triển có chọn lọc/trọng tâm các kênh phân phối mới: như kênh qua Bancassurance, Ban Môi giới, Mobilassurance,...

Bên cạnh đó, để có thể khai thác và cung cấp dịch vụ một cách tốt nhất cho khách hàng, Bảo Long ngày càng mở rộng mạng lưới trải khắp các tỉnh thành trong cả nước. Trong năm 2016 và Quý 1/2017, Bảo Long đã mở rộng thêm mạng lưới các công ty thành viên, nâng số công ty thành viên từ 34 lên 42 đơn vị thành viên. Trong thời gian tới, dự kiến các công ty thành viên của Bảo Long sẽ có mặt khắp các tỉnh thành trong cả nước.

Với lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, các dịch vụ sau khi xảy ra tổn thất cần được giải quyết nhanh chóng để đảm bảo lợi ích cao nhất cho khách hàng, Trong thời gian qua, việc thành lập Ban dự án Triển khai Hệ thống giám định theo ngành dọc và từng bước triển khai, đã định hình và thống nhất được mô hình của hệ thống. Bên cạnh đó, Bảo Long luôn rà soát và cải tiến các quy trình giám định – bồi thường theo hướng nhanh gọn và hiệu quả, nhằm giảm bớt thủ tục hành chính, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

2.4. Đối với người lao động

Là doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ đầu tiên được thành lập tại Việt Nam, đến hôm nay Bảo Long đã từng bước phát triển mạnh mẽ hơn và qua hơn 21 năm hoạt động, Bảo Long dần trở thành thương hiệu được tín nhiệm trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ. Yếu

tố cốt lõi góp phần quan trọng trong sự thành công của Bảo Long đó chính là Nguồn nhân lực. "Con người là tài sản vô giá" - nhận thức được điều này, Bảo Long cam kết xây dựng các chính sách nhân sự và chế độ tối ưu cho CBNV phù hợp theo Quy định của Pháp luật, đảm bảo cho Người lao động an tâm làm việc, gắn bó lâu dài với Bảo Long.

Môi trường làm việc: nhận thấy môi trường làm việc là một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến chất lượng và năng suất lao động của CBNV, vì vậy Bảo Long luôn cố gắng xây dựng và hướng đến một môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động nhưng cũng vô cùng thân thiện và gắn bó.

Tiền lương, phúc lợi: chế độ lương, thưởng của Bảo Long cạnh tranh, gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh và chất lượng công việc của mỗi cá nhân khi thực hiện công việc. Bên cạnh đó, Bảo Long cũng rất quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của Người lao động thể hiện qua các chính sách phúc lợi như: chương trình chăm sóc sức khỏe định kỳ cho CBNV, trang bị bảo hiểm sức khỏe và tai nạn cho CBNV, tổ chức cho CBNV nghỉ mát hàng năm, tặng quà hiện kim cho CBNV nhân ngày sinh nhật, kết hôn...

Chính sách nhân sự và đào tạo:

- Đối với ứng viên: Bảo Long luôn thể hiện sự trân trọng đối với ứng viên, đặc biệt là đối với các ứng viên có kinh nghiệm làm việc trong ngành Bảo hiểm Phi nhân thọ, vì vậy Bảo Long luôn có những chế độ, chính sách riêng để thu hút các đối tượng trên gia nhập vào đội ngũ nhân sự tại Bảo Long, góp phần vào sự phát triển toàn diện của Bảo Long.
- Đối với nguồn nhân lực nội bộ: Bảo Long luôn tạo điều kiện để tất cả CBNV, nhất là những nhân sự có tinh thần cầu tiến, ham học hỏi, năng động, sáng tạo trong công việc có cơ hội thăng tiến công bằng trong công việc thông qua các kỳ thi tuyển dụng nội bộ hoặc quy hoạch nhân sự. Bên cạnh đó, Bảo Long luôn mạnh dạn đề bạt các Cán bộ trẻ có năng lực, bố trí, sắp xếp nhân sự phù hợp với năng lực cá nhân và điều kiện của Bảo Long. Làm việc tại Bảo Long, CBNV sẽ có được định hướng phát triển cho con đường sự nghiệp của mình và phấn đấu vươn lên các vị trí cấp cao tại Bảo Long.

Bên cạnh đó, Bảo Long luôn quan tâm và coi trọng việc đào tạo, phát triển nguồn nhân lực thông qua các chính sách đào tạo trong nước và nước ngoài dành cho CBNV, trong đó chú trọng việc đào tạo các nghiệp vụ, kỹ năng nhằm tạo điều kiện cho CBNV luôn cập nhật những kiến thức mới để phục vụ cho công việc. Ngoài ra, Bảo Long còn có các chế độ hỗ trợ học phí (tùy các trường hợp cụ thể) và tạo điều kiện cho CBNV tự học để nâng cao trình độ.

2.5. Đối với cộng đồng

Đối với Bảo Long, việc thực hiện các hoạt động vì cộng đồng luôn được công ty chú trọng và được thực hiện dựa trên những mục tiêu như sau:

- Chung tay xây dựng đất nước giàu mạnh, tạo công ăn việc làm cho người lao động để giảm tỷ lệ thất nghiệp, giảm tỷ lệ người nghèo.

- Tiếp sức cho thế hệ trẻ tương lai của đất nước có điều kiện học tập, trao đổi kiến thức thông qua các công tác từ thiện hàng năm.
- Góp phần ổn định thị trường bảo hiểm, phát triển kinh tế trong nước.
- Đa dạng sản phẩm bảo hiểm để tạo ra nhiều sự lựa chọn cho khách hàng, chia sẻ rủi ro với cộng đồng.

Trên cơ sở đó, trong năm 2016, Bảo Long đã tham gia, đóng góp nhiều hoạt động vì cộng đồng khác nhau. Tổng giá trị hoạt động cộng đồng là 200 triệu đồng. Trong đó, một số hoạt động tiêu biểu như:

- Trung Thu cho em (15 triệu đồng).
- Hành trình Tuổi trẻ Bảo Long (20 triệu đồng).
- Chương trình hỗ trợ nước uống cho đồng bào vùng hạn mặn Bến Tre (15 triệu đồng).
- Chương trình hướng về Miền Trung yêu thương (150 triệu đồng).

3. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ, cho nên hoạt động kinh doanh của Bảo Long đều thân thiện với môi trường. Hưởng ứng lời kêu gọi của Chính phủ liên quan đến công tác bảo vệ môi trường, trong quá trình hoạt động Bảo Long không ngừng đánh giá chất lượng môi trường làm việc và vận dụng nhiều ý tưởng mới nhằm hạn chế tối đa ảnh hưởng không tốt đến môi trường xung quanh, cụ thể:

- Tiết kiệm năng lượng: sử dụng tiết kiệm nguồn năng lượng điện, nước, sử dụng các thiết bị điện thông minh ít tốn năng lượng và khí thải, giảm lượng giấy in tài liệu. Tái sử dụng văn phòng phẩm có nguồn gốc từ khai thác tài nguyên như: sử dụng giấy 1 mặt để in các tài liệu tham khảo, sử dụng bút và đồ dùng văn phòng bằng nhựa đã qua sử dụng,...
- Ứng dụng CNTT và truyền thông: sử dụng phần mềm quản lý văn bản online tạo điều kiện cho các đơn vị trên toàn hệ thống cập nhật liên tục các văn bản, chính sách từ Tổng công ty vừa giúp tiết kiệm chi phí in ấn và phí chuyển phát nhanh qua đường bưu điện. Tăng cường sử dụng cầu truyền hình và các phương tiện kỹ thuật tiên tiến để tổ chức các cuộc họp giữa các Đơn vị xa địa bàn nhằm tiết kiệm chi phí đi lại.
- Môi trường làm việc xanh – sạch – đẹp: bố trí cây xanh hợp lý trong phòng làm việc, bố trí đủ ánh sáng làm việc, sử dụng các thiết bị an toàn và bảo vệ sức khỏe của người lao động.

PHẦN VI – BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đính kèm

- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2016



[Handwritten signature]

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Điều hành	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9 - 11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 - 13
Thuyết minh báo cáo tài chính	14 - 53

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 và Luật số 61/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm.

Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập số 1529/GP-UB do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 7 năm 1995, Giấy đăng ký kinh doanh số 059614 do Ủy ban kế hoạch Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 8 năm 1995 và Giấy chứng nhận đủ tiêu chuẩn và điều kiện hoạt động số 05TC/GCN ngày 10 tháng 1 năm 1995 do Bộ Tài chính cấp. Giấy phép thành lập và hoạt động mới nhất số 71GP/KDBH ngày 15 tháng 4 năm 2014 và giấy phép điều chỉnh mới nhất số 71/GPĐC9/KDBH ngày 28 tháng 3 năm 2016 do Bộ Tài chính cấp.

Công ty được thành lập nhằm thực hiện các hoạt động kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh tái bảo hiểm, giám định tổn thất, đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 185 Điện Biên Phủ, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Vào thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có bốn mươi một (41) chi nhánh đặt tại các tỉnh/thành phố trong cả nước và một (1) văn phòng đại diện đặt tại Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và vào ngày lập báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Ông Nguyễn Thành Long	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2013
Ông Nguyễn Quang Thông	Phó chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2013
Ông Võ Tấn Hoàng Văn	Phó chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2014
Ông Phạm Thế Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2013 Miễn nhiệm ngày 25 tháng 5 năm 2016
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2014
Ông Trần Văn Hồi	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2014
Ông Nguyễn Hữu Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2015
Ông Phan Quốc Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 5 năm 2016
Bà Phạm Minh Châm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 5 năm 2016

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và vào ngày lập báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Bà Nguyễn Thị Tường Vy	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2014
Bà Lê Thị Thanh Bình	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2013
Ông Nguyễn Minh Thuận	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2014

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Ban Điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và vào ngày lập báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Ông Phan Quốc Dũng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2015
Ông Trần Thanh Nam	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2014
Ông Dương Quang Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2014
Ông Nguyễn Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 10 năm 2014 Miễn nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2016
Bà Lưu Thị Tố Trinh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2015
Ông Hà Hoàng Giang	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2016
Ông Hồ Quang Đức	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 10 năm 2016
Bà Phạm Minh Châm	Giám đốc Tài chính	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là ông Phan Quốc Dũng, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Ban Điều hành Công ty trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Điều hành cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty đã được tuân thủ và tất cả các sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Theo ý kiến của Ban Điều hành Công ty, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Điều hành:



Ông Phan Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Số tham chiếu: 60948250/18410803

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long (“Công ty”) được lập ngày 15 tháng 3 năm 2017 và được trình bày từ trang 6 đến trang 53, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Điều hành Công ty

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Saman Bandara
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2036-2013-004-1

Lê Đức Linh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1672-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.149.461.989.675	874.827.901.778
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	66.327.934.367	161.360.663.318
111	1. Tiền		66.327.934.367	145.360.663.318
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	16.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	701.056.807.045	414.586.927.786
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	79.588.209.303	47.399.280.778
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	5.1	(14.531.402.258)	(10.122.352.992)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		636.000.000.000	377.310.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		205.479.830.089	127.254.577.551
131	1. Phải thu của khách hàng		150.371.937.793	88.927.356.740
131.1	1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	6	150.371.937.793	88.927.356.740
136	2. Các khoản phải thu khác	7	69.897.724.890	51.833.763.689
137	3. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	6,7	(14.789.832.594)	(13.506.542.878)
140	IV. Hàng tồn kho		429.552.245	428.026.218
141	1. Hàng tồn kho		429.552.245	428.026.218
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		47.197.518.110	29.425.255.205
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		34.265.470.454	29.200.638.515
151.1	1.1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	8	33.237.139.508	28.642.972.887
151.2	1.2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác		1.028.330.946	557.665.628
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.215.489.344	95.387.574
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	13	11.716.558.312	129.229.116
190	VI. Tài sản tái bảo hiểm	16.1	128.970.347.819	141.772.451.700
191	1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm		64.017.363.654	56.501.335.040
192	2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm		64.952.984.165	85.271.116.660

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		280.178.646.433	385.068.605.932
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		10.000.000.000	8.000.000.000
218	1. Phải thu dài hạn khác		10.000.000.000	8.000.000.000
218.1	1.1. Ký quỹ bảo hiểm		10.000.000.000	8.000.000.000
220	II. Tài sản cố định		32.068.902.169	35.581.734.004
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	21.452.009.764	24.662.682.653
222	Nguyên giá		46.102.911.739	48.229.747.171
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(24.650.901.975)	(23.567.064.518)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	10.233.817.859	10.919.051.351
228	Nguyên giá		15.156.419.277	14.937.119.277
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.922.601.418)	(4.018.067.926)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		383.074.546	-
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	5	227.000.000.000	330.000.000.000
255	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		228.503.000.000	331.503.000.000
255.1	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(1.503.000.000)	(1.503.000.000)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		11.109.744.264	11.486.871.928
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		3.820.112.624	3.421.275.547
262	2. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		5.608.152.967	6.814.622.925
268	3. Tài sản dài hạn khác		1.681.478.673	1.250.973.456
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.429.640.636.108	1.259.896.507.710

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		884.989.339.709	823.379.436.635
310	I. Nợ ngắn hạn		882.137.973.334	820.705.132.661
311	1. Phải trả người bán		118.804.781.494	95.089.231.117
311.1	1.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	12	118.804.781.494	95.089.231.117
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	9.498.543.486	10.148.053.124
314	3. Phải trả người lao động		23.056.447.417	9.252.376.425
315	4. Chi phí phải trả		2.161.670.101	2.750.963.458
318	5. Các khoản phải trả khác	14	30.765.429.278	128.734.580.784
319	6. Doanh thu chưa thực hiện		4.742.931.839	3.448.598.431
319.1	7. Doanh thu hoa hồng nhượng tái chưa được hưởng	15	16.746.790.243	16.408.106.329
329	8. Dự phòng nghiệp vụ	16	676.361.379.476	554.873.222.993
329.1	8.1. Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	16.1	395.800.761.928	288.735.954.677
329.2	8.2. Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	16.1	238.065.614.410	230.300.075.890
329.3	8.3. Dự phòng dao động lớn	16.2	42.495.003.138	35.837.192.426
330	II. Nợ dài hạn		2.851.366.375	2.674.303.974
333	1. Nhận ký quỹ dài hạn		20.000.000	20.000.000
342	2. Quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc		2.831.366.375	2.654.303.974
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		544.651.296.399	436.517.071.075
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	544.651.296.399	436.517.071.075
411	1. Vốn cổ phần		500.000.000.000	403.614.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(41.994.845)	208.005.155
419	3. Quỹ dự trữ bắt buộc		12.807.171.740	12.206.998.384
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		31.886.119.504	20.488.067.536
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.429.640.636.108	1.259.896.507.710

Ông Châu Tuấn
Người lập

Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga
Kế toán Trưởng

Ông Phan Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Phần I – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	604.672.913.736	491.170.114.974
12	2. Doanh thu hoạt động tài chính	89.922.431.381	68.786.224.228
13	3. Thu nhập khác	1.617.749.708	94.733.782
20	4. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(486.674.352.814)	(404.006.156.384)
22	5. Chi phí hoạt động tài chính	(13.557.710.726)	(9.906.041.791)
23	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	(179.401.099.811)	(125.609.219.018)
24	7. Chi phí khác	(1.319.793.617)	(309.186.967)
50	8. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15.260.137.857	20.220.468.824
51	9. Chi phí thuế TNDN hiện hành	(2.050.200.775)	(9.563.025.569)
52	10. (Chi phí)/ thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(1.206.469.958)	4.656.420.768
60	11. Lợi nhuận sau thuế TNDN	12.003.467.124	15.313.864.023
70	12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	240	361

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)
 Phần II – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu phí bảo hiểm	19	696.689.701.000	572.729.092.360
	<i>Trong đó:</i>			
01.1	Phí bảo hiểm gốc		764.642.146.562	567.260.426.484
01.2	Phí nhận tái bảo hiểm		39.112.361.689	35.218.731.455
01.3	Tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	16.1	(107.064.807.251)	(29.750.065.579)
02	2. Phí nhượng tái bảo hiểm		(126.577.457.442)	(110.300.581.843)
	<i>Trong đó:</i>			
02.1	Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	20	(134.093.486.056)	(119.332.741.269)
02.2	Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	16.1	7.516.028.614	9.032.159.426
03	3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần		570.112.243.558	462.428.510.517
04	4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		34.560.670.178	28.741.604.457
	<i>Trong đó:</i>			
04.1	Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	15	34.541.809.745	28.693.336.333
	- Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm phát sinh trong năm	15	34.880.493.659	32.739.015.597
	- Tăng doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng		(338.683.914)	(4.045.679.264)
04.2	Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		18.860.433	48.268.124
10	5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm		604.672.913.736	491.170.114.974
11	6. Chi bồi thường	21	(244.480.944.317)	(179.364.212.200)
	<i>Trong đó:</i>			
11.1	Tổng chi bồi thường		(248.167.874.390)	(184.406.327.356)
11.2	Các khoản giảm trừ		3.686.930.073	5.042.115.156
12	7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	21	33.609.915.310	22.414.896.788
13	8. Tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	16.1	(7.765.538.520)	(57.710.812.257)
14	9. Tăng/(giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	16.1	(20.318.132.495)	7.149.539.972
15	10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm	21	(238.954.700.022)	(207.510.587.697)
16	11. Tăng dự phòng dao động lớn	16.2	(6.696.610.221)	(4.831.464.167)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)
 Phần II – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
17	12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		(241.023.042.571)	(191.664.104.520)
17.1	Trong đó: Chi hoa hồng	8	(62.424.552.648)	(57.562.547.904)
17.2	Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	22	(178.598.489.923)	(134.101.556.616)
18	13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm		(486.674.352.814)	(404.006.156.384)
19	14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm		117.998.560.922	87.163.958.590
23	15. Doanh thu hoạt động tài chính	23	89.922.431.381	68.786.224.228
24	16. Chi phí hoạt động tài chính	24	(13.557.710.726)	(9.906.041.791)
25	17. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính		76.364.720.655	58.880.182.437
26	18. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(179.401.099.811)	(125.609.219.018)
30	19. Lãi thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm		14.962.181.766	20.434.922.009
31	20. Thu nhập khác		1.617.749.708	94.733.782
32	21. Chi phí khác		(1.319.793.617)	(309.186.967)
40	22. Lợi nhuận/(lỗ) khác	26	297.956.091	(214.453.185)
50	23. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		15.260.137.857	20.220.468.824
51	24. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.2	(2.050.200.775)	(9.563.025.569)
52	25. (Chi phí)/ thu nhập thuế TNDN hoãn lại	27.3	(1.206.469.958)	4.656.420.768
60	26. Lợi nhuận sau thuế TNDN		12.003.467.124	15.313.864.023
70	27. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	240	361

Ông Châu Tuấn
 Người lập

Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga
 Kế toán Trưởng

Ông Phan Quốc Dũng
 Tổng Giám đốc



Ngày 15 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu phí và hoa hồng		704.221.692.373	528.018.777.675
03	2. Tiền thu từ các khoản thu được giảm chi		37.296.845.383	38.242.066.608
04	3. Tiền thu từ các hoạt động kinh doanh khác		146.956.898.470	95.269.135.541
05	4. Trả tiền bồi thường bảo hiểm		(248.206.673.899)	(193.437.920.117)
06	5. Trả tiền hoa hồng và các khoản nợ khác của kinh doanh bảo hiểm		(241.023.042.571)	(191.520.536.935)
07	6. Trả tiền cho người bán và cung cấp dịch vụ		(82.506.312.563)	(50.559.277.885)
08	7. Trả tiền cho công nhân viên		(78.714.901.326)	(60.624.414.370)
09	8. Thuế TNDN đã nộp	13	(18.391.371.422)	(6.722.366.983)
10	9. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(200.669.636.042)	(101.448.691.559)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		18.963.498.403	57.216.771.975
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền mua tài sản cố định		(1.040.094.319)	(1.034.905.749)
22	2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	26	1.553.891.036	-
23	3. Tiền chi cho các khoản đầu tư		(350.987.930.292)	(698.773.700.272)
24	4. Tiền thu từ các khoản đầu tư		178.737.068.975	562.980.922.245
27	5. Lãi đầu tư nhận được		58.083.008.872	57.008.283.408
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(113.654.055.728)	(79.819.400.368)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ góp vốn	17	-	96.386.000.000
36	2. Tiền trả cổ tức	18	(346.817.675)	(19.646.622.893)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(346.817.675)	76.739.377.107

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP) (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(95.037.375.000)	54.136.748.714
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	4	161.360.663.318	107.179.536.638
61	Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá		4.646.049	44.377.966
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	66.327.934.367	161.360.663.318

(Handwritten signatures and a red circular stamp of the company are present here.)

Ông Châu Tuấn
Người lập

Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga
Kế toán Trưởng

Ông Phan Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 và Luật số 61/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm.

Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập số 1529/GP-UB do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 7 năm 1995, Giấy đăng ký kinh doanh số 059614 do Ủy ban Kế hoạch Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 8 năm 1995 và Giấy chứng nhận đủ tiêu chuẩn và điều kiện hoạt động số 05TC/GCN ngày 10 tháng 1 năm 1995 do Bộ Tài chính cấp. Giấy phép thành lập và hoạt động mới nhất số 71GP/KDBH ngày 15 tháng 4 năm 2014 và giấy phép điều chỉnh mới nhất số 71/GPĐC9/KDBH ngày 28 tháng 3 năm 2016 do Bộ Tài chính cấp.

Công ty được thành lập nhằm thực hiện các hoạt động kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh tài bảo hiểm, giám định tổn thất, đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 185 Điện Biên Phủ, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Vào thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có bốn mươi một (41) chi nhánh đặt tại các tỉnh/thành phố trong cả nước và một (1) văn phòng đại diện đặt tại Hà Nội.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 969 người (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 682 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND) phù hợp với Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) về Chế độ kế toán doanh nghiệp và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2 CƠ SỞ TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đồng tiền kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu, bao gồm các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 ("Thông tư 89") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 228. Chi tiết tỷ lệ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản, các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ trên bảng cân đối kế toán và bất kỳ các khoản lãi/lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như một tài sản cố định vô hình. Công ty không trích khấu hao liên quan đến giá trị quyền sử dụng đất không có thời hạn theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 25 năm
Máy móc thiết bị	3 - 5 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	5 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn	13 năm

3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.8 Tài sản thuê

Việc xác định một hợp đồng là, hoặc bao gồm, một khoản đi thuê được dựa trên bản chất của hợp đồng tại ngày hiệu lực và đòi hỏi phải đánh giá xem việc thực hiện hợp đồng có phụ thuộc vào việc sử dụng các tài sản cụ thể và hợp đồng có chuyển giao quyền sử dụng tài sản hay không.

Thuê tài sản được phân loại thành thuê tài chính nếu như các điều kiện cho thuê là về bản chất chuyển giao hết tất cả rủi ro và lợi nhuận của việc sở hữu tài sản cho người đi thuê. Những khoản thuê khác được phân loại thành cho thuê hoạt động.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư tài chính

3.9.1 Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh bao gồm các loại chứng khoán nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả chứng khoán có thời gian đáo hạn trên mười hai (12) tháng mua vào, bán ra để kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh của Công ty bao gồm các cổ phiếu niêm yết, không niêm yết trên thị trường chứng khoán và chứng chỉ quỹ mở.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Các chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Chứng khoán kinh doanh được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường. Tăng/giảm dự phòng giảm giá chứng khoán được ghi nhận vào khoản mục "*Chi phí hoạt động tài chính*" trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.9.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Các khoản đầu tư này được nắm giữ với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Ngoại trừ các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ, tất cả các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Tại thời điểm mua, các chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá. Lãi dự thu của chứng khoán (đối với chứng khoán trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán trả lãi trước) được phản ánh trên các tài khoản riêng. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên một tài khoản riêng.

Trong khoảng thời gian nắm giữ chứng khoán tiếp theo, các chứng khoán này được tiếp tục ghi nhận theo mệnh giá, chiết khấu/phụ trội (nếu có) của chứng khoán nợ được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Lãi dự thu được tính và ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên lãi suất danh nghĩa.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn xem xét về khả năng giảm giá tại ngày báo cáo. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá thị trường.

3.9.3 Dự phòng giảm giá đầu tư

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập theo chính sách kế toán của Công ty phù hợp với Thông tư 228 và Thông tư 89. Chi tiết cơ sở đánh giá sự giảm giá của các khoản mục đầu tư được trình bày như dưới đây.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCom") thì giá trị thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

3.9.3 Dự phòng giảm giá đầu tư (tiếp theo)

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCom") thì giá trị thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở tham khảo báo giá được cung cấp bởi tối thiểu ba (3) công ty chứng khoán có quy mô lớn và uy tín trên thị trường chứng khoán.

Đối với các chứng khoán chưa có giá tham chiếu làm cơ sở trích lập dự phòng, Công ty xem xét sử dụng giá trị sổ sách của chứng khoán.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Phần tăng lên trong khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán.
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư.
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các quỹ dự phòng nghiệp vụ

Các quỹ dự phòng nghiệp vụ bao gồm (i) dự phòng phí chưa được hưởng, (ii) dự phòng bồi thường và (iii) dự phòng dao động lớn. Việc trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm được thực hiện theo các phương pháp quy định tại Thông tư số 125/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính ("Thông tư 125"), Công văn số 15393/BTC-QLBH ngày 6 tháng 11 năm 2012 và Công văn số 4693/BTC-QLBH ngày 15 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc xác nhận việc đăng ký trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm. Cụ thể phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

(i) *Dự phòng phí chưa được hưởng*

Theo Công văn số 4693/BTC-QLBH, dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập như sau:

- ▶ Đối với sản phẩm bảo hiểm cho hàng hóa đang đi trên đường bằng đường bộ, đường thủy, đường sắt hay đường hàng không, dự phòng phí bảo hiểm chưa được hưởng bằng 25% tổng số phí bảo hiểm giữ lại cho các sản phẩm bảo hiểm này trong kỳ kế toán.
- ▶ Đối với những sản phẩm bảo hiểm khác: Công ty tính dự phòng phí chưa được hưởng theo hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm (phương pháp 1/8). Phương pháp này giả định phí bảo hiểm thuộc các hợp đồng bảo hiểm phát hành trong một quý của Công ty được phân bổ đều giữa các tháng của quý, hay nói cách khác, toàn bộ hợp đồng của một quý cụ thể được giả định là có hiệu lực vào giữa quý đó. Dự phòng phí chưa được hưởng được tính theo công thức sau:

$$\text{Dự phòng phí chưa được hưởng} = \text{Phí bảo hiểm giữ lại} \times \text{Tỷ lệ phí bảo hiểm chưa được hưởng}$$

(ii) *Dự phòng bồi thường*

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã thông báo nhưng đến cuối kỳ kế toán chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo.

- ▶ Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối kỳ kế toán chưa giải quyết được trích lập dựa trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc khách hàng đã yêu cầu đòi bồi thường nhưng chưa giải quyết tại thời điểm cuối kỳ kế toán, sau khi trừ đi phần thu hồi từ nhà nhận tái bảo hiểm; và
- ▶ Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo (IBNR) theo Công văn số 15393/BTC-QLVH ngày 6 tháng 11 năm 2012 về việc chấp thuận phương pháp trích lập theo tỷ lệ 3% trên tổng phí bảo hiểm giữ lại đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm.

(iii) *Dự phòng dao động lớn*

Theo Công văn số 15393/BTC-QLBH, dự phòng dao động lớn được trích lập mỗi năm cho đến khi dự phòng đạt được mức 100% mức phí giữ lại trong kỳ và mức trích lập hàng năm là 1% trên phí bảo hiểm giữ lại theo từng nghiệp vụ bảo hiểm.

Vào ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán ("CMKT") mới, bao gồm CMKT số 19 về Hợp đồng bảo hiểm. Theo đó, kể từ tháng 1 năm 2006, việc trích lập dự phòng dao động lớn là không cần thiết do dự phòng này phản ánh "các yêu cầu đòi bồi thường không tồn tại tại thời điểm lập báo cáo tài chính". Tuy nhiên, do Bộ Tài chính chưa có hướng dẫn cụ thể việc áp dụng CMKT số 19 và theo quy định tại Nghị định số 73/2016/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 1 tháng 7 năm 2016 ("Nghị định 73") về việc quy định chế độ tài chính đối với các doanh nghiệp bảo hiểm. Công ty hiện vẫn trích lập dự phòng dao động lớn trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Tỷ lệ trích lập hiện tại là 1% trên tổng phí giữ lại của từng loại hình bảo hiểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Phân phối lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được các cấp có thẩm quyền/Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ và chi trả thù lao cho Hội đồng Quản trị theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- ▶ Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập với mục đích bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán của Công ty. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập bằng 5% trên lợi nhuận sau thuế hàng năm, và số dư tối đa là 10% vốn điều lệ theo Nghị định 73.
- ▶ Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên. Theo thông tư 96/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 8 năm 2015, các khoản chi có tính chất phúc lợi chi trực tiếp cho người lao động và tổng số chi không quá một (01) tháng lương bình quân thực hiện trong năm tính thuế đều được khấu trừ khi xác định thu nhập chịu thuế. Do đó từ năm 2015 trở đi, Công ty không thực hiện việc trích lập quỹ phúc lợi dựa trên lợi nhuận sau thuế. Các khoản chi này sẽ được hạch toán trực tiếp vào “Chi phí quản lý doanh nghiệp” trong năm.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

(i) Doanh thu bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư 125 và Thông tư 194/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 194”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 124/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012 (“Thông tư 124”) và Thông tư 125.

Cụ thể, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đáp ứng được những điều kiện sau:

- (1) hợp đồng đã được giao kết giữa doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm và bên mua bảo hiểm, đồng thời bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm; hoặc
- (2) có bằng chứng về việc hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm; hoặc
- (3) hợp đồng bảo hiểm được giao kết và doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm có thỏa thuận với bên mua bảo hiểm về thời hạn thanh toán phí bảo hiểm thì doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm vẫn phải hạch toán vào doanh thu khoản phí bảo hiểm phải đóng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm mặc dù bên mua bảo hiểm chưa đóng phí bảo hiểm. Thời hạn thanh toán phí bảo hiểm không quá 30 ngày kể từ ngày hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực. Trường hợp đóng phí bảo hiểm theo kỳ, Công ty hạch toán doanh thu khoản phí bảo hiểm của kỳ đóng phí bảo hiểm đầu tiên khi hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực và chỉ hạch toán doanh thu khoản phí bảo hiểm của các kỳ đóng phí bảo hiểm tiếp theo khi bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm. Trường hợp bên mua bảo hiểm không đóng đủ phí bảo hiểm theo thời hạn thanh toán phí bảo hiểm, hợp đồng bảo hiểm sẽ tự chấm dứt hiệu lực khi hết thời hạn thanh toán phí bảo hiểm.

Phí bảo hiểm nhận trước khi chưa đến hạn tại ngày cuối kỳ kế toán được ghi nhận vào “Doanh thu chưa thực hiện” trên bảng cân đối kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

(ii) *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

(iii) *Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức bằng tiền của Công ty được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Công ty mà chỉ được cập nhật số lượng cổ phiếu trên danh mục đầu tư của Công ty.

3.16 Ghi nhận chi phí

(i) *Chi bồi thường*

Chi phí bồi thường được ghi nhận khi hồ sơ bồi thường hoàn tất và được người có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp chưa có kết luận số tiền bồi thường cuối cùng nhưng Công ty chắc chắn tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm và thanh toán một phần số tiền bồi thường cho khách hàng theo đề nghị của khách hàng thì số tiền bồi thường đã thanh toán cũng được ghi nhận vào tạm ứng chi phí bồi thường trong "Phải thu khác" trên bảng cân đối kế toán.

(ii) *Chi hoa hồng*

Chi phí hoa hồng chỉ được ghi nhận khi phát sinh. Chi phí hoa hồng được tính theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu phí bảo hiểm gốc phát sinh trong kỳ kế toán năm và được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Hoa hồng của mỗi loại sản phẩm được tính theo tỷ lệ nhất định phù hợp với Thông tư 124. Cuối kỳ kế toán, khoản hoa hồng bảo hiểm chưa được tính vào chi phí kỳ này tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm chưa được hưởng phải được xác định để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm đã đăng ký với Bộ Tài chính.

(iii) *Các chi phí quản lý doanh nghiệp khác*

Các chi phí quản lý doanh nghiệp khác được ghi nhận trên cơ sở dồn tích.

3.17 Ghi nhận hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm

(i) *Nhượng tái bảo hiểm*

Phí nhượng tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi các thỏa thuận này đã được ghi nhận.

Phí nhượng tái bảo hiểm tạm thời được ghi nhận khi thỏa thuận tái bảo hiểm tạm thời đã được xác lập và doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi thỏa thuận này đã được ghi nhận.

Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi có bằng chứng hiện hữu về nghĩa vụ của bên nhận tái bảo hiểm.

Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận. Cuối kỳ kế toán, khoản hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được tính vào doanh thu kỳ này tương ứng với phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng phải được xác định để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm đã đăng ký với Bộ Tài chính.

(ii) *Nhận tái bảo hiểm*

Nhận tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định:

- ▶ Thu nhập và chi phí liên quan đến các hoạt động nhận tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi nhận được các bằng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Ghi nhận hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm (tiếp theo)

(ii) *Nhận tái bảo hiểm (tiếp theo)*

Nhận tái bảo hiểm theo các hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời:

- ▶ Thu nhập phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi thoả thuận tái bảo hiểm tạm thời đã được xác lập và đã nhận được bảng kê thanh toán (đối với từng thoả thuận tái bảo hiểm tạm thời) từ công ty nhượng tái bảo hiểm;
- ▶ Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh nghĩa vụ bồi thường theo cam kết và nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm; và
- ▶ Hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phí nhận tái được ghi nhận và nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm. Cuối kỳ kế toán, khoản hoa hồng nhận tái bảo hiểm chưa được tính vào chi phí kỳ này tương ứng với doanh thu phí nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng phải được xác định để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm đã đăng ký với Bộ Tài chính.

3.18 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập doanh nghiệp của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập doanh nghiệp tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập doanh nghiệp tại thời điểm phát sinh giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.19 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính (“Thông tư 210”), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, kí quỹ bảo hiểm và các khoản kí quỹ khác, tài sản tái bảo hiểm và các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, phải trả cổ tức, dự phòng bồi thường và chi phí trích trước.

Công cụ tài chính – Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo giá gốc.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Tiền mặt tại quỹ	6.998.972.618	4.080.209.776
Tiền gửi ngân hàng	59.328.961.749	141.280.453.542
- <i>Bảng VND</i>	58.721.896.822	139.726.850.850
- <i>Bảng Đô la Mỹ</i>	607.064.927	1.553.602.692
Tiền đang chuyển	-	16.000.000.000
	66.327.934.367	161.360.663.318

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chứng khoán kinh doanh <i>(Thuyết minh 5.1)</i>		
Cổ phiếu niêm yết	51.835.770.803	42.572.839.778
Cổ phiếu chưa niêm yết	4.826.441.000	4.826.441.000
Chứng khoán quỹ mở	22.925.997.500	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(14.531.402.258)	(10.122.352.992)
	65.056.807.045	37.276.927.786
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		
Ngắn hạn		
- Tiền gửi (i)	516.000.000.000	377.310.000.000
- Trái phiếu (iii)	120.000.000.000	-
	636.000.000.000	377.310.000.000
Dài hạn		
- Tiền gửi (ii)	186.000.000.000	169.000.000.000
- Trái phiếu	1.503.000.000	121.503.000.000
- Đầu tư dài hạn khác (iv)	41.000.000.000	41.000.000.000
Dự phòng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khó đòi (v)	(1.503.000.000)	(1.503.000.000)
	227.000.000.000	330.000.000.000
Giá trị thuần các khoản đầu tư tài chính	928.056.807.045	744.586.927.786

- (i) Các hợp đồng tiền gửi ngân hàng ngắn hạn bằng đồng Việt Nam có thời gian đáo hạn còn lại không quá một (1) năm kể từ ngày lập báo cáo tài chính với mức lãi suất từ 6,10% - 10,25%/năm.
- (ii) Các hợp đồng tiền gửi ngân hàng dài hạn bằng đồng Việt Nam có thời gian đáo hạn còn lại trên một (1) năm kể từ ngày lập báo cáo tài chính với mức lãi suất từ 7,00% - 11,50%.
- (iii) Các trái phiếu doanh nghiệp có kỳ hạn còn lại từ dưới một (1) năm kể từ ngày lập báo cáo tài chính với mức lãi suất từ 9,00%/năm đến 13,00%/năm.
- (iv) Đây là khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác đầu tư ký ngày 8 tháng 12 năm 2011 cho mục đích triển khai dự án xây dựng được đảm bảo bằng một bất động sản. Hợp đồng hợp tác đầu tư này có thời hạn đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 và đã được hai bên đồng ý gia hạn đến ngày 30 tháng 6 năm 2015. Ban Điều hành của Công ty đánh giá và tin tưởng khoản đầu tư này sẽ được thu hồi đầy đủ trong tương lai.
- (v) Đây là dự phòng cho khoản đầu tư vào trái phiếu Vinashin - Quỹ đầu tư PVF1.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

B09 - DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.1 Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm VND			Số đầu năm VND				
	Số lượng	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị còn lại	Số lượng	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị còn lại
Cổ phiếu niêm yết	2.426.298	51.835.770.803	(9.841.120.505)	41.994.650.298	3.525.297	42.572.839.778	(6.036.102.255)	36.536.737.523
DHG	93.070	8.445.339.323	-	8.445.339.323	-	-	-	-
KSB	93.550	6.617.674.438	(508.859.438)	6.108.815.000	-	-	-	-
VSC	106.800	6.993.044.559	(1.012.244.559)	5.980.800.000	-	-	-	-
NBB	310.550	7.017.857.000	(1.117.407.000)	5.900.450.000	310.550	7.017.857.000	(496.307.000)	6.521.550.000
PXI	741.920	6.044.195.847	(3.343.607.047)	2.700.588.800	769.230	6.435.763.922	(2.128.075.922)	4.307.688.000
LDG	484.047	5.401.290.276	(2.642.222.376)	2.759.067.900	490.000	7.421.357.977	(1.688.357.977)	5.733.000.000
NDN	397.508	4.372.588.000	(1.113.022.400)	3.259.565.600	511.308	5.624.388.000	(255.654.000)	5.368.734.000
Khác	198.853	6.943.781.360	(103.757.685)	6.840.023.675	1.444.209	16.073.472.879	(1.467.707.356)	14.605.765.523
Cổ phiếu chưa niêm yết	262.758	4.826.441.000	(4.086.250.737)	740.190.263	262.758	4.826.441.000	(4.086.250.737)	740.190.263
Công ty cổ phần cà phê Petec	43.800	444.000.000	(444.000.000)	-	43.800	444.000.000	(444.000.000)	-
Công ty cổ phần PVOil Nam Định	19.607	196.070.000	(196.070.000)	-	19.607	196.070.000	(196.070.000)	-
Công ty cổ phần Petec	199.351	4.186.371.000	(3.446.180.737)	740.190.263	199.351	4.186.371.000	(3.446.180.737)	740.190.263
Chứng chỉ quỹ mở	1.793.563	22.925.997.500	(604.031.016)	22.321.966.484	-	-	-	-
VFMVF4	1.558.950	19.925.997.500	(400.148.750)	19.525.848.750	-	-	-	-
VNWF	234.613	3.000.000.000	(203.882.266)	2.796.117.734	-	-	-	-
Tổng cộng	4.482.619	79.588.209.303	(14.531.402.258)	65.056.807.045	3.788.055	47.399.280.778	(10.122.352.992)	37.276.927.786

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	77.648.780.300	34.584.762.735
Phải thu hoạt động nhượng tái bảo hiểm	43.556.743.156	29.344.380.526
Phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm	24.945.259.163	23.908.692.572
Phải thu liên quan đến đồng bảo hiểm	4.124.920.797	993.286.530
Phải thu khác liên quan đến hoạt động bảo hiểm	96.234.377	96.234.377
	150.371.937.793	88.927.356.740
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(14.401.206.160)	(13.117.916.444)
Giá trị thuần của phải thu về hợp đồng bảo hiểm	135.970.731.633	75.809.440.296

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Tạm ứng bồi thường	15.007.577.717	20.059.798.545
Tiền lãi dự thu	25.539.745.733	17.704.400.683
Tạm ứng chi phí kinh doanh	12.705.416.303	7.506.997.481
Phải thu đầu tư chứng khoán (T+2)	12.337.366.150	3.756.299.086
Phải thu thù lao HĐQT	1.818.845.340	626.629.807
Tạm ứng chi phí phát hành cổ phiếu	299.200.000	100.000.000
Phải thu lãi cổ tức	-	497.619.820
Các khoản phải thu khác	2.189.573.647	1.582.018.267
	69.897.724.890	51.833.763.689
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(388.626.434)	(388.626.434)
Giá trị thuần của các khoản phải thu khác	69.509.098.456	51.445.137.255

8. CHI PHÍ HOA HỒNG CHƯA PHÂN BỐ

Chi phí hoa hồng chưa phân bổ bao gồm các khoản chi phí hoa hồng bảo hiểm gốc và nhận tái phải trả thực tế đã phát sinh nhưng chưa được tính vào chi phí kinh doanh bảo hiểm của năm nay tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng được chuyển sang phân bổ vào các năm sau theo quy định tại Thông tư 232.

	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Số dư đầu kỳ	28.642.972.887	26.380.467.129
Phát sinh trong kỳ	67.018.719.269	59.825.053.662
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	(62.424.552.648)	(57.562.547.904)
Số dư cuối kỳ	33.237.139.508	28.642.972.887

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

B09 - DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc (*) VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số đầu năm	21.567.935.706	602.706.032	21.095.516.519	4.963.588.914	48.229.747.171
Mua mới trong năm	-	-	-	437.719.773	437.719.773
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.564.555.205)	-	(2.564.555.205)
Số cuối năm	21.567.935.706	602.706.032	18.530.961.314	5.401.308.687	46.102.911.739
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	-	560.516.832	5.192.289.494	3.760.470.621	9.513.276.947
Giá trị khấu hao lũy kế					
Số đầu năm	7.822.211.149	569.892.208	10.882.236.483	4.292.724.678	23.567.064.518
Khấu hao trong năm	710.286.012	7.031.532	1.666.516.589	393.450.946	2.777.285.079
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.693.447.622)	-	(1.693.447.622)
Số cuối năm	8.532.497.161	576.923.740	10.855.305.450	4.686.175.624	24.650.901.975
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	13.745.724.557	32.813.824	10.213.280.036	670.864.236	24.662.682.653
Số cuối năm	13.035.438.545	25.782.292	7.675.655.864	715.133.063	21.452.009.764

(*) Bao gồm trong giá trị tài sản cố định hữu hình tại thời điểm cuối kỳ là một căn nhà với giá trị là 4.180.181.819 VND đang trong quá trình chuyển quyền sở hữu sang một đối tác. Công ty không trích khấu hao cho tài sản này. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty chưa ghi nhận giảm giá trị tài sản do thủ tục chuyển nhượng chưa hoàn tất (*Thuyết minh số 14*).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Phần mềm máy tính VND</i>	<i>Quyền sử dụng đất (*) VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Nguyên giá			
Số đầu năm	2.224.000.000	12.713.119.277	14.937.119.277
Mua mới trong năm	219.300.000	-	219.300.000
Số cuối năm	<u>2.443.300.000</u>	<u>12.713.119.277</u>	<u>15.156.419.277</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	691.080.008	3.326.987.918	4.018.067.926
Hao mòn trong năm	488.660.004	415.873.488	904.533.492
Số cuối năm	<u>1.179.740.012</u>	<u>3.742.861.406</u>	<u>4.922.601.418</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	<u>1.532.919.992</u>	<u>9.386.131.359</u>	<u>10.919.051.351</u>
Số cuối năm	<u>1.263.559.988</u>	<u>8.970.257.871</u>	<u>10.233.817.859</u>

(*) Bao gồm trong giá trị tài sản cố định vô hình tại thời điểm cuối kỳ là quyền sử dụng đất đi kèm với một căn nhà với giá trị là 4.470.585.373 VND đang trong quá trình chuyển quyền sở hữu sang một đối tác như được trình bày trong *Thuyết minh số 14*.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Công cụ và dụng cụ	2.154.795.380	1.091.019.302
Chi phí sửa chữa văn phòng	1.453.819.581	2.191.927.434
Khác	211.497.663	138.328.811
	<u>3.820.112.624</u>	<u>3.421.275.547</u>

12. PHẢI TRẢ VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Phải trả nhượng tái bảo hiểm	89.250.624.961	60.206.253.841
Phải trả nhận tái bảo hiểm	13.160.880.859	20.179.371.393
Phải trả bồi thường bảo hiểm gốc	7.624.236.794	9.261.958.481
Phải trả hoa hồng bảo hiểm gốc	6.063.061.477	5.113.886.633
Phải trả đồng bảo hiểm	889.316.599	94.395.042
Phải trả khác liên quan tới hoạt động bảo hiểm	1.816.660.804	233.365.727
	<u>118.804.781.494</u>	<u>95.089.231.117</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số dư đầu năm VND	Phát sinh trong năm VND		Số dư cuối năm VND
		Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	
Thuế GTGT	3.367.048.503	67.680.522.520	(63.148.101.180)	7.899.469.843
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.624.612.335	2.050.200.775	(18.391.371.422)	(11.716.558.312)
Thuế thu nhập cá nhân	1.792.282.907	6.412.098.349	(6.869.364.313)	1.335.016.943
Số nộp thừa	(129.229.116)	-	129.229.116	-
Các loại thuế khác	364.109.379	129.813.103	(229.865.782)	264.056.700
Tổng cộng	10.018.824.008	76.272.634.747	(88.509.473.581)	(2.218.014.826)
Số phải nộp	10.148.053.124			9.498.543.486
Số nộp thừa	(129.229.116)			(11.716.558.312)

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả cho hợp đồng chuyển nhượng nhà đất (a)	9.136.363.636	9.136.363.636
Phải trả cho nhà tái bảo hiểm (b)	8.179.053.210	12.362.224.411
Phải trả cổ tức (Thuyết minh số 18)	3.549.096.718	3.895.914.393
Phí dịch vụ Direct Money	2.582.563.604	436.765.742
Phí tạm thu chờ bóc tách	1.409.755.740	1.630.125.524
Phải trả Quỹ xe cơ giới	801.650.145	285.608.349
Phải trả Quỹ phòng cháy chữa cháy	749.359.923	368.176.452
Phải trả các khoản bảo hiểm cho nhân viên	509.701.808	534.213.579
Phải trả Thuế thu nhập cá nhân thu thừa của đại lý	393.608.812	389.173.389
Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm	-	798.726.532
Phải trả phí giám định	-	677.824.686
Phải trả từ phát hành cổ phiếu	-	96.386.000.000
Phải trả khác	3.454.275.682	1.833.464.091
	30.765.429.278	128.734.580.784

(a) Đây là số tiền Công ty nhận được từ bên mua liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng nhà đất của Công ty. Do thủ tục chuyển quyền sở hữu chưa hoàn tất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 nên Công ty chưa ghi nhận nghiệp vụ thanh lý tài sản (Thuyết minh số 9 và Thuyết minh số 10).

(b) Đây là số tiền đã thu đòi bồi thường từ nhà tái bảo hiểm chủ yếu liên quan đến các khoản tạm ứng bồi thường cho khách hàng nhưng hồ sơ bồi thường chưa được giải quyết xong tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

B09 - DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. DOANH THU HOA HỒNG NHƯỢNG TÁI CHƯA ĐƯỢC HƯỞNG

Doanh thu hoa hồng nhượng tái chưa được hưởng bao gồm các khoản hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được tính vào doanh thu năm nay tương ứng với phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng được chuyển sang phần bổ vào các năm sau theo quy định Thông tư 232.

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	16.408.106.329	12.362.427.065
Phát sinh trong năm	34.880.493.659	32.739.015.597
Phân bổ vào doanh thu trong năm	(34.541.809.745)	(28.693.336.333)
Số cuối năm	16.746.790.243	16.408.106.329

16. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

16.1 Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm		
238.065.614.410	(64.952.984.165)	173.112.630.245
213.952.979.162	(60.930.179.583)	153.022.799.579
24.112.635.248	(4.022.804.582)	20.089.830.666
395.800.761.928	(64.017.363.654)	331.783.398.274
633.866.376.338	(128.970.347.819)	504.896.028.519
Dự phòng bồi thường		
- Dự phòng bồi thường chưa giải quyết		
- Dự phòng bồi thường phát sinh chưa thông báo		
Dự phòng phí chưa được hưởng		
145.028.959.230	(85.271.116.660)	145.028.959.230
130.534.566.729	(81.691.134.422)	130.534.566.729
14.494.392.501	(3.579.982.238)	14.494.392.501
232.234.619.637	(56.501.335.040)	232.234.619.637
377.263.578.867	(141.772.451.700)	377.263.578.867

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

B09 - DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ (tiếp theo)

16.1 Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng (tiếp theo)

Trong đó chi tiết bao gồm:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<i>Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</i>		
<i>Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</i>		
<i>Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</i>		
<i>Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</i>		
Dự phòng bồi thường		
Số đầu năm	230.300.075.890	172.589.263.633
Thay đổi dự phòng trong năm	7.765.538.520	57.710.812.257
Số cuối năm	238.065.614.410	230.300.075.890
Dự phòng phí chưa được hưởng		
Số đầu năm	288.735.954.677	258.985.889.098
Thay đổi dự phòng trong năm	107.064.807.251	29.750.065.579
Số cuối năm	395.800.761.928	288.735.954.677
16.2 Dự phòng dao động lớn		
Số đầu năm		
Trích lập thêm trong năm		
Sử dụng trong năm		
Số cuối năm		
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
	35.837.192.426	34.469.105.186
	6.696.610.221	4.831.464.167
	(38.799.509)	(3.463.376.927)
	42.495.003.138	35.837.192.426

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

B09 - DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ dự trữ bắt buộc VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Năm trước					
Số đầu năm	336.345.000.000	226.755.440	11.441.305.183	26.120.596.714	374.133.657.337
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	15.313.864.023	15.313.864.023
Chi trả cổ tức năm 2014	-	-	-	(20.180.700.000)	(20.180.700.000)
Thay đổi vốn cổ phần	67.269.000.000	2.018.070.000	-	-	69.287.070.000
Chi phí tăng vốn cổ phần	-	(2.036.820.285)	-	-	(2.036.820.285)
Trích lập quỹ dự trữ bắt buộc	-	-	765.693.201	(765.693.201)	-
Số cuối năm	403.614.000.000	208.005.155	12.206.998.384	20.488.067.536	436.517.071.075
Năm nay					
Số đầu năm	403.614.000.000	208.005.155	12.206.998.384	20.488.067.536	436.517.071.075
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	12.003.467.124	12.003.467.124
Chi trả cổ tức năm 2015 (*)	-	-	-	(5.241.800)	(5.241.800)
Thay đổi vốn cổ phần (**)	96.386.000.000	-	-	-	96.386.000.000
Chi phí tăng vốn cổ phần	-	(250.000.000)	-	-	(250.000.000)
Trích lập quỹ dự trữ bắt buộc	-	-	600.173.356	(600.173.356)	-
Số cuối năm	500.000.000.000	(41.994.845)	12.807.171.740	31.886.119.504	544.651.296.399

(*) Đây là phần chi trả cổ tức cho các cổ phiếu lẻ thông qua việc phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức cho năm 2015 với tỷ lệ 2,4% theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 25 tháng 5 năm 2016.

(**) Trong năm, Công ty bổ sung vốn điều lệ thêm 96.386.000.000 VND theo Giấy phép điều chỉnh số 71/GPDDC9/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 28 tháng 3 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.2 Vốn cổ phần

	<i>Số cuối năm</i> VND	<i>Số đầu năm</i> VND
Vốn cổ phần của các cổ đông	<u>500.000.000.000</u>	<u>403.614.000.000</u>

Chi tiết vốn cổ phần tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

	<i>Số tiền theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh</i>		<i>Vốn cổ phần</i> VND
	VND	%	
Ngân hàng TMCP Sài Gòn	393.384.490.000	78,68	393.384.490.000
Ngân Hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	38.121.600.000	7,62	38.121.600.000
Công ty CP May - Xây dựng Huy Hoàng	6.270.000.000	1,25	6.270.000.000
Cổ đông khác	<u>62.223.910.000</u>	<u>12,44</u>	<u>62.223.910.000</u>
	<u>500.000.000.000</u>	<u>100,00</u>	<u>500.000.000.000</u>

Chi tiết số lượng cổ phần được phát hành bởi Công ty như sau:

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	50.000.000	40.361.400
Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	50.000.000	40.361.400
Cổ phần phổ thông	50.000.000	40.361.400
Số lượng cổ phần đang lưu hành	50.000.000	40.361.400
Cổ phần phổ thông	50.000.000	40.361.400
Mệnh giá của cổ phần đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

18. CỐ TỨC

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Cố tức phải trả đầu năm	3.895.914.393	3.361.837.286
Cố tức đã công bố trong năm	-	20.180.700.000
Cố tức đã trả trong năm	<u>(346.817.675)</u>	<u>(19.646.622.893)</u>
Cố tức phải trả cuối năm	<u>3.549.096.718</u>	<u>3.895.914.393</u>

Cố tức phải trả cuối năm là số cố tức đã công bố nhưng chưa thanh toán của các cổ đông không nắm quyền kiểm soát tại ngày báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Phí bảo hiểm gốc (<i>Thuyết minh số 19.1</i>)	767.364.163.009	569.266.202.035
Các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc	(2.722.016.447)	(2.005.775.551)
	<u>764.642.146.562</u>	<u>567.260.426.484</u>
Phí nhận tái bảo hiểm (<i>Thuyết minh số 19.2</i>)	39.112.361.689	35.218.731.455
Tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm (<i>Thuyết minh số 16.1</i>)	(107.064.807.251)	(29.750.065.579)
	<u>696.689.701.000</u>	<u>572.729.092.360</u>

19.1 Phí bảo hiểm gốc

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Bảo hiểm xe cơ giới	445.596.169.062	287.236.810.877
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	132.296.513.523	136.478.098.481
Bảo hiểm hàng hoá vận chuyển	69.083.389.267	68.202.543.226
Bảo hiểm con người	61.321.270.647	37.127.271.877
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	41.597.974.581	27.430.663.249
Bảo hiểm tàu thuyền	14.470.861.271	10.537.915.128
Bảo hiểm thuyền viên	275.968.211	247.123.646
	<u>764.642.146.562</u>	<u>567.260.426.484</u>

19.2 Phí nhận tái bảo hiểm

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Bảo hiểm xe cơ giới	404.821.649	431.366.299
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	31.848.262.787	22.296.585.717
Bảo hiểm hàng hoá vận chuyển	499.859.819	207.634.348
Bảo hiểm con người	64.729.031	85.253.961
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	5.408.371.067	9.823.518.531
Bảo hiểm tàu thuyền	864.470.202	2.369.782.134
Bảo hiểm thuyền viên	21.847.134	4.590.465
	<u>39.112.361.689</u>	<u>35.218.731.455</u>

20. TỔNG PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Bảo hiểm xe cơ giới	102.703.453	968.730.504
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	85.754.012.775	77.533.643.792
Bảo hiểm hàng hoá vận chuyển	23.140.865.814	16.069.674.440
Bảo hiểm con người	305.121.138	489.796.773
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	20.569.442.868	21.917.230.713
Bảo hiểm tàu thuyền	4.221.340.008	2.353.665.047
	<u>134.093.486.056</u>	<u>119.332.741.269</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. TỔNG CHI BỒI THƯỜNG BẢO HIỂM

	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Tổng chi bồi thường:	248.167.874.390	184.406.327.356
- Chi bồi thường bảo hiểm gốc (Thuyết minh số 21.1)	240.578.429.678	157.924.155.260
- Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm (Thuyết minh số 21.2)	7.589.444.712	26.482.172.096
Các khoản thu giảm chi (thu đòi người thứ ba bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%)	(3.686.930.073)	(5.042.115.156)
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm (Thuyết minh số 21.3)	(33.609.915.310)	(22.414.896.788)
Tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm (Thuyết minh số 16.1)	7.765.538.520	57.710.812.257
Tăng/(giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm (Thuyết minh số 16.1)	20.318.132.495	(7.149.539.972)
	<u>238.954.700.022</u>	<u>207.510.587.697</u>

21.1 Chi bồi thường bảo hiểm gốc

	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Bảo hiểm xe cơ giới	147.885.159.352	99.606.243.471
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	48.966.759.004	24.158.440.228
Bảo hiểm hàng hoá vận chuyển	24.639.361.287	16.231.310.942
Bảo hiểm con người	13.209.842.746	12.597.035.189
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	4.362.526.864	279.107.908
Bảo hiểm tàu thuyền	1.475.233.825	5.012.117.522
Bảo hiểm thuyền viên	39.546.600	39.900.000
	<u>240.578.429.678</u>	<u>157.924.155.260</u>

21.2 Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm

	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Bảo hiểm xe cơ giới	2.553.231.943	138.491.014
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	3.474.872.464	22.304.543.626
Bảo hiểm hàng hoá vận chuyển	59.969.440	289.228.043
Bảo hiểm con người	-	558.508
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	313.673.759	1.302.517.703
Bảo hiểm tàu thuyền	1.187.697.106	2.446.833.202
	<u>7.589.444.712</u>	<u>26.482.172.096</u>

21.3 Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm

	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Bảo hiểm xe cơ giới	1.847.250	139.758.523
Bảo hiểm hỏa hoạn, kỹ thuật và các rủi ro khác	24.059.300.476	15.683.292.053
Bảo hiểm hàng hoá vận chuyển	7.559.860.860	5.004.132.810
Bảo hiểm con người	2.809.733	1.329.050
Bảo hiểm xây dựng lắp đặt	286.697.975	1.292.086.511
Bảo hiểm tàu thuyền	1.699.399.016	294.297.841
	<u>33.609.915.310</u>	<u>22.414.896.788</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. CHI PHÍ KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Chi phí tiếp khách	74.533.886.476	46.143.500.225
Lương và các khoản phụ cấp	51.809.489.139	44.044.090.852
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.823.114.438	20.838.447.429
Chi phí giám định tổn thất	8.264.610.764	6.829.603.184
Công cụ, dụng cụ	7.735.913.934	6.616.530.124
Chi phí khác	11.431.475.172	9.629.384.802
	<u>178.598.489.923</u>	<u>134.101.556.616</u>

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Thu nhập lãi tiền gửi	50.992.666.908	45.116.472.670
Lãi từ mua bán chứng khoán đầu tư	23.750.236.295	14.085.070.674
Lãi từ đầu tư trái phiếu	13.763.313.434	5.557.786.999
Cổ tức được chia	1.162.373.580	2.562.707.320
Lãi từ chênh lệch tỷ giá	253.841.164	405.068.230
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	1.059.118.335
	<u>89.922.431.381</u>	<u>68.786.224.228</u>

24. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Lỗ từ mua bán chứng khoán đầu tư	8.122.169.087	9.616.081.923
Lỗ chênh lệch tỷ giá	611.823.509	411.670.789
Phí dịch vụ ngân hàng	364.668.864	326.120.324
Trích/ (hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	4.409.049.266	(597.761.245)
Chi phí hoạt động tài chính khác	50.000.000	149.930.000
	<u>13.557.710.726</u>	<u>9.906.041.791</u>

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG, QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Lương và các khoản phụ cấp	92.518.972.318	64.002.947.563
Chi phí dịch vụ mua ngoài	69.548.573.503	45.221.937.627
Công cụ, dụng cụ	7.371.433.683	5.948.611.591
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.283.289.716	5.163.496.099
Chi phí khấu hao và phân bổ	3.681.818.571	3.642.534.013
Thuế giá trị gia tăng không được khấu trừ	4.719.631.723	1.409.450.832
Thuế và phí	277.380.297	220.241.293
	<u>179.401.099.811</u>	<u>125.609.219.018</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập khác	1.617.749.708	94.733.782
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	1.553.891.036	-
Thu khác	63.858.672	94.733.782
Chi phí khác	(1.319.793.617)	(309.186.967)
Chi phí từ thanh lý tài sản cố định	(871.107.583)	-
Phạt vi phạm hành chính	(368.428.259)	(162.446.788)
Chi khác	(80.257.775)	(146.740.179)
Lợi nhuận/ (lỗ) khác	297.956.091	(214.453.185)

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") với mức thuế suất bằng 20% lợi nhuận chịu thuế từ năm 2016.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo báo cáo quyết toán thuế cuối cùng của Công ty hoặc theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.050.200.775	9.563.025.569
Chi phí/ (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	1.206.469.958	(4.656.420.768)
	3.256.670.733	4.906.604.801

27.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	15.260.137.857	20.220.468.824
Thuế TNDN theo thuế suất 20% (2015: 22%)	3.052.027.571	4.448.503.141
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
- Chi phí không được khấu trừ thuế (*)	23.957.521	75.220.015
- Chi phí thù lao Hội đồng Quản trị (*)	120.034.671	168.452.504
- Điều chỉnh thuế TNDN năm trước	293.125.686	96.762.459
- Ảnh hưởng của việc thay đổi thuế suất	-	681.462.292
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>		
- Thu nhập từ cổ tức (*)	(232.474.716)	(563.795.610)
Chi phí thuế TNDN	3.256.670.733	4.906.604.801

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

(*) Trong đó, các khoản điều chỉnh tăng và giảm được tính bằng các số liệu dưới đây nhân với thuế suất 20%:

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>	
- Chi phí không được khấu trừ thuế	119.787.606
- Chi phí thù lao Hội đồng Quản trị	600.173.356
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>	
- Thu nhập từ cổ tức	(1.162.373.580)

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán VND		Ảnh hưởng đến Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Điều chỉnh giảm doanh thu phí bảo hiểm gốc theo Thông tư 194	713.836.400	1.333.322.111	(619.485.711)	1.333.322.111
Lương hiệu quả cho nhân viên	1.000.000.000	820.442.411	179.557.589	820.442.411
Chi phí dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	817.250.147	817.250.147	-	294.483.528
Chi phí dự phòng các khoản phải thu khó đòi	454.000.035	889.425.617	(435.425.582)	617.514.325
Dự phòng khác	526.739.800	526.739.800	-	526.739.800
Chi phí trích trước	432.334.021	550.192.692	(117.858.671)	437.992.692
Chi phí dự phòng trợ cấp thôi việc	566.273.275	530.860.795	35.412.480	156.367.767
Thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng nhà đất của năm trước chưa được ghi nhận vào thu nhập	797.119.289	797.119.289	-	(79.711.929)
Trích dự phòng trái phiếu Vinashin	300.600.000	300.600.000	-	300.600.000
Chi phí trả cho Direct Money	-	248.670.063	(248.670.063)	248.670.063
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	5.608.152.967	6.814.622.925	(1.206.469.958)	4.656.420.768

28. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Các cam kết thuê hoạt động

Công ty có các cam kết thuê hoạt động liên quan đến việc thuê văn phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Cam kết thuê hoạt động (VND)		
Dưới một (1) năm	7.654.078.170	7.048.441.275
Từ một (1) đến năm (5) năm	10.226.495.400	9.134.766.768
	17.880.573.570	16.183.208.043
<i>Các khoản mục ngoài bảng khác</i>		
Ngoại tệ (USD)	26.717	70.974
Hợp đồng chưa phát sinh trách nhiệm (VND)	43.141.802.939	47.611.100.365

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung giao dịch</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn	Công ty mẹ	Gửi tiền gửi có kỳ hạn Rút tiền gửi có kỳ hạn Thu nhập lãi tiền gửi Nhận vốn góp cổ phần Chuyển nhượng quyền mua cổ phần	140.000.000.000 184.000.000.000 9.191.314.327 - -	194.000.000.000 26.000.000.000 7.178.626.006 95.954.890.000 1.286.208.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	Cổ đông lớn	Gửi tiền gửi có kỳ hạn Rút tiền gửi có kỳ hạn Thu nhập lãi tiền gửi Phí dịch vụ ngân hàng	17.000.000.000 - 520.126.835 28.142.490	20.042.619.023 21.042.619.023 209.052.904 100.644.428

Các khoản phải thu và phải trả của Công ty với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 2015 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung giao dịch</i>	<i>Số cuối năm Phải thu/ (Phải trả) VND</i>	<i>Số đầu năm Phải thu/ (Phải trả) VND</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn	Công ty mẹ	Tiền gửi thanh toán Tiền gửi có kỳ hạn Dự thu lãi tiền gửi Phải trả vốn góp cổ phần	20.237.551.671 140.000.000.000 2.593.458.333 -	112.759.680.853 184.000.000.000 5.800.827.600 (95.954.890.000)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	Cổ đông lớn	Tiền gửi thanh toán Tiền gửi có kỳ hạn Dự thu lãi tiền gửi	5.619.078.364 17.000.000.000 506.417.600	5.598.355.381 - -

Các khoản thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị trong năm như sau:

	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Thù lao Hội đồng Quản trị	600.173.356	765.693.201

Các khoản lương, thưởng của thành viên Ban Điều hành trong năm như sau:

	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Lương và thưởng	7.350.000.000	7.275.128.834

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Lợi nhuận thuần sau thuế	12.003.467.124	15.313.864.023
Trích lập quỹ dự trữ bắt buộc	<u>(600.173.356)</u>	<u>(765.693.201)</u>
Lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	11.403.293.768	14.548.170.822
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm (cổ phiếu)	47.603.517	40.250.821
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	240	361

31. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO

31.1 Cơ chế quản trị

Mục đích chính của cơ chế quản trị rủi ro và quản lý tài chính là nhằm bảo vệ cổ đông của Công ty từ các sự kiện cản trở Công ty đạt được các mục tiêu tài chính một cách ổn định. Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành nhận thấy tầm quan trọng của một hệ thống quản trị rủi ro hiệu quả.

Công ty đã thiết lập một bộ phận quản lý rủi ro với các điều khoản được thống nhất bởi Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành. Bộ phận này được bổ sung thêm với một cơ cấu tổ chức rõ ràng bằng các văn bản quy định trách nhiệm và quyền hạn từ Hội đồng Quản trị đến Ban Điều hành và các lãnh đạo cấp cao khác. Một khung chính sách đã được phát triển và áp dụng, trong đó chỉ ra những rủi ro chủ yếu của Công ty, các chuẩn mực về quản trị rủi ro, kiểm soát và tổ chức kinh doanh cho các hoạt động của Công ty. Mỗi chính sách sẽ được một thành viên trong Ban Điều hành chịu trách nhiệm giám sát tính tuân thủ đối với chính sách này trong toàn Công ty.

31.2 Mục tiêu quản lý rủi ro, các chính sách và quy trình quản lý rủi ro bảo hiểm

Hoạt động bảo hiểm chính thực hiện bởi Công ty là xây dựng các giả định về rủi ro tổn thất liên quan đến cá nhân hoặc tổ chức là đối tượng liên quan trực tiếp đến rủi ro đó. Các rủi ro đề cập có thể liên quan đến tài sản, trách nhiệm, tai nạn, sức khỏe, rủi ro tài chính hoặc rủi ro khác có thể phát sinh từ các sự kiện được bảo hiểm. Theo đó Công ty chịu các rủi ro bồi thường chưa xác định rõ về thời điểm cũng như mức độ Công ty cũng chịu các rủi ro thị trường thông qua hoạt động bảo hiểm và đầu tư.

Công ty quản lý rủi ro bảo hiểm của mình bằng hạn mức khai thác bảo hiểm, các quy trình thủ tục phê duyệt cho các giao dịch có liên quan đến sản phẩm mới hoặc các giao dịch vượt quá hạn mức, đa dạng hóa rủi ro, đưa ra nguyên tắc định giá, tái bảo hiểm và giám sát các vấn đề nảy sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

31.3 Quản lý vốn và yêu cầu theo luật định

Mục tiêu đầu tiên của Công ty trong việc quản lý vốn là luôn luôn duy trì nguồn vốn đủ mạnh để hỗ trợ cho sự phát triển trong kinh doanh và đảm bảo yêu cầu về vốn pháp định. Công ty nhận thức được những tác động đối với lợi nhuận của cổ đông với mức độ vốn đã góp và tìm cách duy trì mức cân bằng thận trọng.

Yêu cầu về vốn pháp định phát sinh từ các hoạt động nghiệp vụ của Công ty tại Việt Nam và yêu cầu Công ty phải giữ nguồn vốn vừa đủ để trang trải nợ và đáp ứng các quy định về biên khả năng thanh toán tại Việt Nam. Các yêu cầu về đảm bảo khả năng thanh toán áp dụng cho Công ty được quy định trong Thông tư 125 của Bộ Tài chính.

Bảng dưới đây nêu lên biên khả năng thanh toán tối thiểu và biên khả năng thanh toán của Công ty. Những người lập chính sách quan tâm đến việc bảo vệ quyền lợi của người mua bảo hiểm và theo dõi liên tục để đảm bảo các công ty bảo hiểm hoạt động hiệu quả vì lợi ích của người mua bảo hiểm. Những người lập chính sách đồng thời cũng quan tâm đến việc đảm bảo Công ty có thể duy trì được trạng thái thanh khoản phù hợp, để đối phó với những nghĩa vụ bảo hiểm phát sinh ngoài dự báo do suy giảm kinh tế hoặc thảm họa tự nhiên.

	<i>Biên khả năng thanh toán của Công ty</i>	<i>Biên khả năng thanh toán tối thiểu</i>	<i>Tỷ lệ biên khả năng thanh toán</i>
	VND	VND	%
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	403.366.951.584	167.415.255.549	241%
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	321.448.248.312	120.786.604.168	266%

Tỷ lệ biên khả năng thanh toán của Công ty là một chỉ số về khả năng thanh toán chung đối với các hoạt động bảo hiểm có liên quan, được tính dựa trên những quy định tương ứng được ban hành bởi Bộ Tài chính.

31.4 Chiến lược kinh doanh bảo hiểm

Chiến lược kinh doanh bảo hiểm của Công ty với mục tiêu đa dạng hóa nhằm đảm bảo sự cân bằng giữa các hoạt động kinh doanh và được dựa trên một danh mục lớn với những rủi ro tương tự trong một số năm, và như vậy làm giảm sự biến động của kết quả kinh doanh.

31.5 Chiến lược kinh doanh tái bảo hiểm

Công ty thực hiện tái bảo hiểm một phần các rủi ro bảo hiểm để kiểm soát khả năng lỗ và bảo đảm an toàn vốn, thông qua hợp đồng tái bảo hiểm cố định và tạm thời. Các hợp đồng tái bảo hiểm chuyển giao một phần rủi ro và giới hạn rủi ro đối với từng hợp đồng bảo hiểm. Mức độ rủi ro giữ lại phụ thuộc vào đánh giá của Công ty đối với mỗi loại rủi ro cụ thể, phụ thuộc vào từng hoàn cảnh nhất định, nhằm tối đa hóa mức rủi ro chấp nhận được dựa trên phân tích từng đặc tính rủi ro.

Theo các điều khoản của hợp đồng tái bảo hiểm, người tái bảo hiểm đồng ý hoàn trả số tiền nhượng bảo hiểm trong trường hợp có tổn thất bảo hiểm. Tuy nhiên, Công ty vẫn phải có trách nhiệm đối với chủ hợp đồng cho phần tái nếu nhà tái bảo hiểm không thể thanh toán cho phần nghĩa vụ của họ.

Các hợp đồng tái bảo hiểm chứa đựng rủi ro xếp hạng tín nhiệm, để giảm thiểu rủi ro, chỉ những công ty tái bảo hiểm đạt tiêu chuẩn đánh giá tín nhiệm của Công ty theo các đánh giá công khai của các công ty chuyên về xếp hạng tín nhiệm hoặc do đánh giá nội bộ mới được phép tiến hành giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty phát hành hợp đồng để chuyển giao rủi ro bảo hiểm hoặc rủi ro tài chính hoặc cả hai. Dưới đây là mô tả chi tiết cách thức mà Công ty quản lý các rủi ro liên quan.

32.1 Rủi ro bảo hiểm

Phân tích các giả định, thay đổi giả định và phân tích độ nhạy

Quy trình xây dựng các giả định nhằm đưa ra các ước tính với các kết quả khả thi nhất. Nguồn dữ liệu sử dụng như các thông số đầu vào cho các giả định được thu thập nội bộ, dựa trên nghiên cứu chi tiết và được tiến hành đều đặn. Các giả định được kiểm tra để đảm bảo thống nhất với các thông tin có thể quan sát khác. Các xu hướng hiện tại sẽ được nhấn mạnh nhiều hơn. Với trường hợp không có đủ thông tin trong quá khứ, các giả định thận trọng sẽ được sử dụng.

Việc dự đoán chắc chắn các khoản bồi thường cụ thể và tổng chi phí cuối cùng là tương đối khó khăn do bản chất kinh doanh. Mỗi khoản bồi thường được thông báo sẽ được đánh giá riêng biệt theo từng trường hợp dựa trên từng hoàn cảnh cụ thể, thông tin sẵn có từ các nhà giám định tổn thất và kinh nghiệm quá khứ của các khoản bồi thường tương tự. Các ước tính cho từng khoản bồi thường được kiểm tra thường xuyên và cập nhật khi có thông tin mới phát sinh. Tác động của nhiều yếu tố ảnh hưởng đến tổng chi phí bồi thường cuối cùng rất khó ước tính. Dự phòng được tính toán dựa trên thông tin đang sẵn có. Tuy nhiên, tổng các nghĩa vụ bảo hiểm cuối cùng sẽ khác nhau do các diễn biến sau này.

Trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm được thực hiện theo các phương pháp quy định tại Thông tư 125. Cụ thể phương pháp trích lập dự phòng như sau:

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã thông báo nhưng đến cuối kỳ chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo:

- ▶ Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã thông báo hoặc yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối kỳ chưa giải quyết được trích lập dựa trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc khách hàng đã yêu cầu đòi bồi thường nhưng chưa giải quyết tại thời điểm cuối kỳ; và
- ▶ Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo (IBNR) theo Công văn số 15393/BTC-QLVH ngày 6 tháng 11 năm 2012 về việc chấp thuận phương pháp trích lập theo tỷ lệ 3% trên tổng phí bảo hiểm giữ lại đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm.

Công ty khai thác các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ như bảo hiểm hàng hóa vận chuyển, bảo hiểm tàu thuyền, bảo hiểm kỹ thuật, bảo hiểm hỏa hoạn, bảo hiểm y tế tự nguyện và bảo hiểm con người, bảo hiểm trách nhiệm chung và bảo hiểm xe cơ giới. Các rủi ro trong các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ thường được bảo hiểm trong thời hạn 12 tháng.

Công ty phải chịu rủi ro tích tụ phụ thuộc vào tình hình phát triển kinh tế của Việt Nam và dòng vốn đầu tư nước ngoài trong sản xuất và bất động sản đặc biệt là tại các trung tâm kinh tế lớn như thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng và Đồng Nai.

Đối với các hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ, rủi ro trọng yếu phát sinh từ thay đổi môi trường và thảm họa thiên nhiên. Việt Nam đã phải chịu tổn thất lớn như bão nhiệt đới, lũ sông, mưa bão và lở đất. Bão nhiệt đới dự kiến sẽ ảnh hưởng thường xuyên đến Việt Nam với mức độ nghiêm trọng ngày càng cao và tổn thất được bảo hiểm ngày càng lớn. Để đưa ra những biện pháp giảm thiểu rủi ro, Công ty đã thu xếp các hợp đồng tái bảo hiểm liên quan đến các loại hình bảo hiểm tài sản, xe cơ giới, vận chuyển hàng hóa và tàu thuyền, đánh bắt cá để hạn chế các tổn thất do thảm họa gây ra nhằm tối thiểu hóa phần rủi ro giữ lại của Công ty.

Đối với các hợp đồng chậm thông báo và có thời gian giải quyết trên một năm, có một rủi ro liên quan là rủi ro lạm phát. Những rủi ro này không biến đổi đáng kể theo địa điểm, loại hình và ngành được bảo hiểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

32.1 Rủi ro bảo hiểm (tiếp theo)

Phân tích các giả định, thay đổi giả định và phân tích độ nhạy (tiếp theo)

Các rủi ro trên được giảm thiểu bằng việc đa dạng hóa danh mục các hợp đồng bảo hiểm và được tăng cường thông qua việc lựa chọn kỹ càng và triển khai các chiến lược phát hành hợp đồng, theo đó các rủi ro sẽ được đa dạng hóa theo loại rủi ro và mức độ quyền lợi được bảo hiểm. Điều này có thể đạt được thông qua việc đa dạng hóa giữa các ngành. Hơn nữa, các chính sách đánh giá bồi thường nghiêm ngặt với các hợp đồng mới và đang còn hiệu lực, việc xem xét chi tiết, đều đặn các quy trình xử lý hợp đồng và việc điều tra thường xuyên các khoản bồi thường gian lận là tất cả quy trình và chính sách Công ty đang áp dụng để giảm thiểu rủi ro.

Công ty cũng phát triển chính sách quản lý hoạt động và nhanh chóng giải quyết các khoản bồi thường, để giảm thiểu những rủi ro trong tương lai chưa được dự đoán có thể ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh. Rủi ro lạm phát cũng được giảm thiểu bằng việc xem xét yếu tố lạm phát khi ước tính các nghĩa vụ phải trả của các hợp đồng bảo hiểm.

Công ty cũng áp dụng số tiền bồi thường tối đa đối với một số hợp đồng cụ thể, cũng như thu xếp tái bảo hiểm để hạn chế rủi ro với các sự kiện thảm họa (ví dụ như thiệt hại do bão, lũ).

Mục đích của các chiến lược cấp đơn và tái bảo hiểm là để giảm rủi ro với các thảm họa dựa trên độ thích ứng rủi ro của Công ty được quyết định bởi Ban Điều hành. Ban Điều hành có thể quyết định tăng hay giảm khả năng chịu đựng tối đa dựa trên các điều kiện thị trường và các nhân tố khác.

32.2 Rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản các khoản phải trả liên quan đến hợp đồng bảo hiểm và các khoản phải trả khác. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, trái phiếu, cổ phiếu, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Điều hành xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

32.2.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Đối với Công ty, giá thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tỷ giá ngoại tệ và rủi ro giá cổ phiếu.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến danh mục đầu tư vào tiền gửi và trái phiếu.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

32.2 Rủi ro tài chính (tiếp theo)

32.2.1 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro giá cổ phiếu

Các cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu và các phân tích dự báo thị trường. Ban Điều hành của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư trọng yếu vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty là 42.685.550.300 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 41.477.636.100 VND). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm khoảng 2.976.440.527 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: giảm 2.708.192.121 VND). Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ tăng lên khoảng 3.276.600.356 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: tăng 2.160.607.930 VND).

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ là rủi ro liên quan đến lỗ phát sinh từ biến động của tỷ giá trao đổi ngoại tệ. Biến động tỷ giá trao đổi giữa đồng Việt Nam và các ngoại tệ mà Công ty có sử dụng có thể ảnh hưởng đến trạng thái tài chính và kết quả hoạt động của Công ty. Rủi ro tỷ giá ngoại tệ đối với Công ty chủ yếu đến từ tỷ giá trao đổi giữa USD/VND. Công ty hạn chế rủi ro này bằng cách giảm thiểu trạng thái ngoại tệ ròng.

Việc phần lớn các tài sản tài chính của Công ty là bằng VND đã giúp giảm thiểu rủi ro về tỷ giá ngoại tệ. Hầu hết các tài sản bằng ngoại tệ đều là USD.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với tỷ giá ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi tỷ giá của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

32.2.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh bảo hiểm của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động đầu tư tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng chịu rủi ro tín dụng gồm các khoản phải thu về bảo hiểm, tái bảo hiểm, tạm ứng bồi thường cho khách hàng và các khoản phải thu khác. Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Khoản mục đáng kể nhất của các khoản phải thu về tái bảo hiểm là các khoản bồi thường phải thu đòi công ty tái bảo hiểm. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã thiết lập một số nguyên tắc kinh doanh và tài chính trong việc chấp nhận công ty tái bảo hiểm, sử dụng kết quả phân loại của các tổ chức xếp hạng tín dụng lớn đồng thời cân nhắc thêm những thông tin trên thị trường. Công ty cũng thường xuyên xem xét sự ổn định về tài chính của các công ty tái bảo hiểm từ thông tin đại chúng cũng như những nguồn khác, xu hướng thanh toán những khoản phải trả của các công ty tái bảo hiểm.

Tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Điều hành của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các đối tác có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu quá hạn và bị suy giảm vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Tổng Công ty Cổ Phần Bảo hiểm Bảo Long

B09 - DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

32.2 Rủi ro tài chính (tiếp theo)

32.2.2 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Số cuối năm	Chưa quá hạn và không giảm giá trị VND	Quá hạn nhưng không giảm giá trị VND	Bị giảm giá trị riêng lẻ VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	66.327.934.367	-	-	66.327.934.367
Các khoản đầu tư tài chính	822.000.000.000	41.000.000.000	1.503.000.000	864.503.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	702.000.000.000	-	-	702.000.000.000
Trái phiếu (*)	120.000.000.000	41.000.000.000	1.503.000.000	121.503.000.000
Đầu tư khác	-	-	-	41.000.000.000
Phải thu của khách hàng (*)	80.018.103.283	26.174.510.590	44.179.323.920	150.371.937.793
Phải thu khác	31.356.307.340	-	-	31.356.307.340
Lãi dự thu	25.539.745.733	-	-	25.539.745.733
Tài sản tái bảo hiểm	64.952.984.165	-	-	64.952.984.165
Ký quỹ bảo hiểm	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
Các khoản ký quỹ khác	1.977.734.187	-	-	1.977.734.187
	1.102.172.809.075	67.174.510.590	45.682.323.920	1.215.029.643.585

(*) Số dư của khoản mục này không bao gồm dự phòng giảm giá trị.

Tổng Công ty Cổ Phần Bảo hiểm Bảo Long

B09 - DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

32.2 Rủi ro tài chính (tiếp theo)

32.2.2 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Số đầu năm	Chưa quá hạn và không giảm giá trị VND	Quá hạn nhưng không giảm giá trị VND	Bị giảm giá trị riêng lẻ VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	161.360.663.318	-	-	161.360.663.318
Các khoản đầu tư tài chính	666.310.000.000	41.000.000.000	1.503.000.000	708.813.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	546.310.000.000	-	-	546.310.000.000
Trái phiếu (*)	120.000.000.000	-	1.503.000.000	121.503.000.000
Đầu tư khác	-	41.000.000.000	-	41.000.000.000
Phải thu của khách hàng (*)	47.177.263.482	25.745.460.183	16.004.633.075	88.927.356.740
Phải thu khác	26.090.559.249	-	-	26.090.559.249
Lãi dự thu	17.704.400.683	-	-	17.704.400.683
Tài sản tài bảo hiểm	85.271.116.660	-	-	85.271.116.660
Ký quỹ bảo hiểm	8.000.000.000	-	-	8.000.000.000
Các khoản ký quỹ khác	1.403.157.579	-	-	1.403.157.579
	1.013.317.160.971	66.745.460.183	17.507.633.075	1.097.570.254.229

(*) Số dư của khoản mục này không bao gồm dự phòng giảm giá trị.

Chưa quá hạn và không giảm giá trị: các tài sản tài chính có lãi và gốc không bị quá hạn và không có bằng chứng về giảm giá trị.

Quá hạn nhưng không giảm giá trị: tài sản tài chính có lãi hoặc gốc quá hạn nhưng Công ty cho rằng các tài sản này không bị giảm giá trị do tin tưởng vào mức độ tin cậy tín dụng của khách hàng và các yếu tố tích cực khác.

Bị giảm giá trị riêng lẻ: các công cụ nợ mà Công ty cho rằng không có khả năng thu lãi và gốc theo những điều khoản của hợp đồng.

32.2.3 Rủi ro thanh khoản

Công ty phải đáp ứng được yêu cầu hàng ngày về nguồn tiền, đặc biệt cho những khoản bồi thường phát sinh trên những hợp đồng bảo hiểm của Công ty. Do vậy xuất hiện một rủi ro rằng Công ty không có đủ lượng tiền để thanh toán các khoản nợ đến hạn với một chi phí hợp lý. Công ty quản lý rủi ro bằng việc xem xét và thiết lập một mức độ hợp lý về các quỹ hoạt động để thanh toán những khoản nợ này. Danh mục đầu tư cũng được cơ cấu theo các yêu cầu thanh khoản để thanh toán các chi phí phát sinh do nhu cầu tiền ngoài dự tính.

Tổng Công ty Cổ Phần Bảo hiểm Bảo Long

B09 - DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

32.2 Rủi ro tài chính (tiếp theo)

32.2.3 Rủi ro thanh khoản

Đáo hạn theo hợp đồng

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở đã được chiết khấu:

Số cuối năm	Quá hạn VND	Dưới 1 năm VND	1-3 năm VND	3-5 năm VND	Trên 5 năm VND	Không kỳ hạn VND	Tổng VND
Tài sản tài chính							
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	-	-	-	66.327.934.367	66.327.934.367
Các khoản đầu tư tài chính	42.503.000.000	516.000.000.000	306.000.000.000	-	-	79.588.209.303	944.091.209.303
- Chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-	-	79.588.209.303	79.588.209.303
- Tiền gửi kỳ hạn	-	516.000.000.000	186.000.000.000	-	-	-	702.000.000.000
- Trái phiếu	1.503.000.000	-	120.000.000.000	-	-	-	121.503.000.000
- Đầu tư khác	41.000.000.000	-	-	-	-	-	41.000.000.000
Phải thu của khách hàng (*)	70.353.834.510	80.018.103.283	-	-	-	-	150.371.937.793
Phải thu khác	-	31.356.307.340	-	-	-	-	31.356.307.340
Lãi dự thu	-	25.539.745.733	-	-	-	-	25.539.745.733
Tài sản tái bảo hiểm	-	64.952.984.165	-	-	10.000.000.000	-	64.952.984.165
Kỳ quỹ bảo hiểm	-	-	-	-	-	-	10.000.000.000
Các khoản kỳ quỹ khác	-	1.977.734.187	-	-	-	-	1.977.734.187
	112.856.834.510	719.844.874.708	306.000.000.000	-	10.000.000.000	145.916.143.670	1.294.617.852.888
Nợ phải trả tài chính							
Phải trả người bán	-	118.804.781.494	-	-	-	-	118.804.781.494
Cổ tức phải trả	-	3.549.096.718	-	-	-	-	3.549.096.718
Dự phòng bồi thường	-	238.065.614.410	-	-	-	-	238.065.614.410
Chi phí trích trước	-	2.161.670.101	-	-	-	-	2.161.670.101
Phải trả khác	-	7.981.458.166	-	-	-	-	7.981.458.166
	-	370.562.620.889	-	-	-	-	370.562.620.889
Chênh lệch thanh khoản ròng	112.856.834.510	349.282.253.819	306.000.000.000	-	10.000.000.000	145.916.143.670	924.055.231.999

(*) Số dư của những khoản mục này không bao gồm dự phòng giảm giá trị.

Khả năng sử dụng tài sản để xử lý công nợ dự tính

Không có khác biệt trọng yếu giữa giá trị kỳ vọng của tài sản và công nợ tại ngày thanh toán và giá trị đáo hạn của hợp đồng được trình bày như trên

Tổng Công ty Cổ Phần Bảo hiểm Bảo Long

B09 - DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. QUẢN LÝ RỦI RO BẢO HIỂM VÀ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

32.2 Rủi ro tài chính (tiếp theo)

32.2.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Đáo hạn theo hợp đồng (tiếp theo)

Số đầu năm	Quá hạn VND	Dưới 1 năm VND	1-3 năm VND	3-5 năm VND	Trên 5 năm VND	Không xác định kỳ hạn VND	Tổng VND
Tài sản tài chính							
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	161.360.663.318	-	-	-	-	161.360.663.318
Các khoản đầu tư tài chính	42.503.000.000	377.310.000.000	289.000.000.000	-	-	47.399.280.778	756.212.280.778
- Chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-	-	47.399.280.778	47.399.280.778
- Tiền gửi kỳ hạn	-	377.310.000.000	169.000.000.000	-	-	-	546.310.000.000
- Trái phiếu	1.503.000.000	-	120.000.000.000	-	-	-	121.503.000.000
- Đầu tư khác	41.000.000.000	-	-	-	-	-	41.000.000.000
Phải thu của khách hàng (*)	41.750.093.258	47.177.263.482	-	-	-	-	88.927.356.740
Phải thu khác	-	26.090.559.249	-	-	-	-	26.090.559.249
Lãi dự thu	-	17.704.400.683	-	-	-	-	17.704.400.683
Tài sản tài bảo hiểm	-	85.271.116.660	-	-	-	-	85.271.116.660
Ký quỹ bảo hiểm	-	-	-	-	8.000.000.000	-	8.000.000.000
Các khoản ký quỹ khác	-	152.184.123	1.250.973.456	-	-	-	1.403.157.579
	84.253.093.258	715.066.187.515	290.250.973.456	-	8.000.000.000	47.399.280.778	1.144.969.535.007
Nợ phải trả tài chính							
Phải trả người bán	-	95.089.231.117	-	-	-	-	95.089.231.117
Cổ tức phải trả	-	3.895.914.393	-	-	-	-	3.895.914.393
Dự phòng bồi thường	-	230.300.075.890	-	-	-	-	230.300.075.890
Chi phí trích trước	-	2.750.963.458	-	-	-	-	2.750.963.458
Phải trả khác	-	6.291.638.500	-	-	-	-	6.291.638.500
	-	338.327.823.358	-	-	-	-	338.327.823.358
Chênh lệch thanh khoản ròng	84.253.093.258	376.738.364.157	290.250.973.456	-	8.000.000.000	47.399.280.778	806.641.711.649

(*) Số dư của những khoản mục này không bao gồm dự phòng giảm giá trị.

Khả năng sử dụng tài sản để xử lý công nợ dự tính

Không có khác biệt trọng yếu giữa giá trị kỳ vọng của tài sản và công nợ tại ngày thanh toán và giá trị đáo hạn của hợp đồng được trình bày như trên.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

B09 - DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản tài chính của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2016 và 31 tháng 12 năm 2015:

	Giá trị ghi sổ VND		Giá trị hợp lý VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Nguyên giá	Dự phòng	Nguyên giá	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	66.327.934.367	-	161.360.663.318	-
Giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	51.835.770.803	(9.841.120.505)	42.572.839.778	(6.036.102.255)
Cổ phiếu niêm yết	4.826.441.000	(4.086.250.737)	4.826.441.000	(4.086.250.737)
Đầu tư sẵn sàng để bán	22.925.997.500	(604.031.016)	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	121.503.000.000	(1.503.000.000)	121.503.000.000	(1.503.000.000)
Chứng chỉ quỹ				
Trái phiếu doanh nghiệp				
Các khoản cho vay và phải thu	516.000.000.000	-	377.310.000.000	-
Tiền gửi kỳ hạn	186.000.000.000	-	169.000.000.000	-
Tiền gửi kỳ hạn dài hạn	41.000.000.000	-	41.000.000.000	-
Các khoản đầu tư khác	150.371.937.793	(14.789.832.594)	88.927.356.740	(13.506.542.878)
Phải thu khách hàng	31.356.307.340	-	26.090.559.249	-
Phải thu khác	25.539.745.733	-	17.704.400.683	-
Lãi dự thu	64.952.984.165	-	85.271.116.660	-
Tài sản tái bảo hiểm	10.000.000.000	-	8.000.000.000	-
Ký quỹ bảo hiểm	1.977.734.187	-	1.403.157.579	-
Các khoản ký quỹ khác				
	1.294.617.852.888	(30.824.234.852)	1.144.969.535.007	(25.131.895.870)

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Long

B09 - DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của nợ tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

	Giá trị ghi sổ VND		Giá trị hợp lý VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Ghi nhận theo giá trị phân bổ				
Phải trả người bán	118.804.781.494	95.089.231.117	118.804.781.494	95.089.231.117
Phải trả cổ tức	3.549.096.718	3.895.914.393	3.549.096.718	3.895.914.393
Dự phòng bồi thường	238.065.614.410	230.300.075.890	238.065.614.410	230.300.075.890
Chi phí trích trước	2.161.670.101	2.750.963.458	2.161.670.101	2.750.963.458
Phải trả khác	7.981.458.166	6.291.638.500	7.981.458.166	6.291.638.500
	370.562.620.889	338.327.823.358	370.562.620.889	338.327.823.358

(N/A) *Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này không thể xác định được do hiện nay chưa có các hướng dẫn và quy định cụ thể theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam về xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính.*

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền và tương đương tiền, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản phải trả khách hàng và phải trả khác tương đương với giá trị ghi sổ của của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- ▶ Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết xác định dựa trên giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.
- ▶ Giá trị hợp lý của cổ phiếu chưa niêm yết khác được xác định dựa trên giá bình quân tính trên các báo cáo giá của ba (3) công ty chứng khoán lớn và có uy tín trên thị trường. Nếu cổ phiếu chưa có giá tham chiếu làm cơ sở trích lập dự phòng, Công ty xem xét sử dụng giá trị sổ sách của chứng khoán.

